

**TỔNG CÔNG TY  
THUỐC LÁ VIỆT NAM**

Số: 331 /TLVN-TCKT  
V/v công bố thông tin Báo cáo tài  
chính đã được kiểm toán cho năm  
tài chính kết thúc tại ngày  
31/12/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2023 sửa đổi Điểm g, Khoản 1, Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;

Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam công bố thông tin kèm theo Công văn này Báo cáo tài chính Công ty mẹ – Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Báo cáo tài chính hợp nhất – Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công TTDN (để đăng tải);
- HĐTV;
- BTGD;
- Ban KS TCT;
- Các ban: KSNB, ĐN, QTRR;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

**Hồ Lê Nghĩa**

**TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

## TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM

Số 30 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng thành viên

Ông Hồ Lê Nghĩa	Chủ tịch
Ông Hà Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên (Nghỉ hưu từ 01/11/2025)
Ông Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Quang Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Châu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/05/2025)
Ông Nghiệm Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Aat*



Hà Quang Hòa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 24/2026/KT-AVI-TC2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và các công ty con (gọi tắt là "Tổng công ty") được lập ngày 30/03/2026 và được trình bày từ trang 4 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Y kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và các công ty con tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Đoàn Thuế Hải Phòng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số giấy CNĐKHNKT 1396-2023-055-1



**Ta Thị Thâm**  
**Kiểm toán viên**  
Số giấy CNĐKHNKT 3676-2026-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.978.247.448.432</b>	<b>20.371.787.631.372</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.806.118.412.572</b>	<b>5.080.197.822.106</b>
1. Tiền	111		1.406.625.335.162	1.928.930.871.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.399.493.077.410	3.151.266.951.094
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>987.423.128.711</b>	<b>734.596.079.049</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	987.423.128.711	734.596.079.049
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>783.833.389.469</b>	<b>792.680.601.045</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	404.659.965.695	427.409.245.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		183.102.792.756	93.003.916.097
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	226.832.631.177	302.743.102.627
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(30.762.000.159)	(30.475.663.139)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>16.103.998.662.356</b>	<b>13.449.644.279.841</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.149.790.912.031	13.476.368.596.267
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(45.792.249.675)	(26.724.316.426)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>296.873.855.324</b>	<b>314.668.849.331</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	51.138.425.492	57.160.562.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		235.737.395.585	231.231.779.144
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	9.998.034.247	26.276.507.820

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MÃ SỐ B01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.462.778.829.683</b>	<b>3.465.039.987.773</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.400.432.200</b>	<b>10.651.196.264</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		13.400.432.200	10.651.196.264
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.364.873.850.551</b>	<b>2.447.682.753.035</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.244.161.398.792	2.338.232.978.503
- Nguyên giá	222		7.772.908.972.332	7.651.648.084.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.528.747.573.540)	(5.313.415.105.899)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	120.712.451.759	109.449.774.532
- Nguyên giá	228		245.208.612.010	225.038.839.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.496.160.251)	(115.589.065.048)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>76.420.973.179</b>	<b>53.322.328.500</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	76.420.973.179	53.322.328.500
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>659.540.967.761</b>	<b>643.776.590.760</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.2	635.135.988.608	619.966.479.812
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.3	24.457.700.000	24.457.700.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(52.720.847)	(647.589.052)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>348.542.605.992</b>	<b>309.607.119.214</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	232.914.826.422	226.267.972.626
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		70.008.951.332	36.680.374.673
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		44.181.453.360	45.221.397.037
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.437.374.878	1.437.374.878
<b>TỔNG CÔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.441.026.278.115</b>	<b>23.836.827.619.145</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.679.214.163.743</b>	<b>12.101.332.768.124</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.304.617.362.622</b>	<b>11.839.503.145.377</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.232.633.754.277	3.477.481.509.273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		638.330.639.311	334.934.945.079
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.915.348.485.233	1.983.797.515.931
4. Phải trả người lao động	314		832.216.287.443	687.085.934.072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		247.474.488.646	209.858.849.668
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.272.724	6.363.636
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	396.801.157.227	382.037.713.083
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	5.154.166.586.175	3.918.377.870.014
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		76.618.029.394	137.692.650.007
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		811.020.662.192	708.229.794.614
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>374.596.801.121</b>	<b>261.829.622.747</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		868.470.553	25.950.744.896
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	4.800.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		15.483.926.191	16.867.578.984
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		358.244.404.377	214.211.298.867
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.761.812.114.372</b>	<b>11.735.494.851.021</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>11.761.998.077.979</b>	<b>11.735.661.201.567</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.163.624.443.631	7.163.624.443.631
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		334.400.325.724	351.246.144.110
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.320.685.920.712	2.315.723.410.655
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.491.857.658	9.491.857.658
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.046.184.912.480	983.964.833.831
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.029.830.613.565	363.137.159.996
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.354.298.915	620.827.673.835
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		36.673.220.144	36.673.220.144
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		850.937.397.630	874.937.291.538
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(185.963.607)</b>	<b>(166.350.546)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(185.963.607)	(166.350.546)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.441.026.278.115</b>	<b>23.836.827.619.145</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thu Hà

Đỗ Văn Đạt

Hà Quang Hòa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MÃ SỐ B02-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>31.724.870.818.102</b>	<b>28.694.779.066.954</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		204.659.604.908	202.201.385.827
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>31.520.211.213.194</b>	<b>28.492.577.681.127</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	21	26.271.764.470.468	23.311.102.268.528
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.248.446.742.726</b>	<b>5.181.475.412.599</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	633.764.166.846	331.702.372.455
7. Chi phí tài chính	22	23	271.188.338.624	258.884.330.459
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	185.214.561.271	137.056.943.644
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		411.020.592.464	350.104.156.105
9. Chi phí bán hàng	25	24	1.434.907.527.653	1.372.455.112.010
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.614.093.598.836	2.642.762.650.255
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.973.042.036.923</b>	<b>1.589.179.848.435</b>
12. Thu nhập khác	31	26	580.916.101.440	343.672.248.686
13. Chi phí khác	32	27	135.722.927.899	35.768.051.368
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>445.193.173.541</b>	<b>307.904.197.318</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.418.235.210.464</b>	<b>1.897.084.045.753</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	478.037.856.063	355.455.850.579
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(33.962.961.052)	22.109.364.984
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.974.160.315.453</b>	<b>1.519.518.830.190</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.698.099.380.132	1.262.040.374.408
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		276.060.935.321	257.478.455.782

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thu Hà

Đỗ Văn Đạt

Hà Quang Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B03-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.418.235.210.464</b>	<b>1.897.084.045.753</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	343.332.694.950	341.173.854.116
- Các khoản dự phòng	03	85.450.160.514	11.457.106.870
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(13.499.013.680)	(58.828.731.679)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(938.211.960.365)	(608.677.547.831)
- Chi phí lãi vay	06	185.214.561.271	136.980.474.767
- Các khoản điều chỉnh khác	07	155.327.367.515	57.000.000.000
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.235.849.020.669</b>	<b>1.776.189.201.996</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.541.241.888)	(326.468.383.070)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.673.422.315.764)	(2.083.908.693.588)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.346.961.831.574	1.448.966.037.861
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(624.716.921)	(12.352.246.001)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(183.522.136.021)	(132.521.492.397)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(417.745.513.802)	(362.522.114.029)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	256.417.578.900	275.262.780.234
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(443.064.431.317)	(413.328.223.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>107.308.075.430</b>	<b>169.316.867.706</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(340.329.739.191)	(392.859.626.913)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.078.897.057	(7.164.791.986)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.023.460.128.711)	(1.511.130.079.049)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.680.633.079.049	1.565.013.281.292
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	370.491.258.747	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	549.769.430.784	421.011.523.879
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>241.182.797.735</b>	<b>74.870.307.223</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MÀU SỐ B03-DN/HH**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	15.421.338.603.137	14.382.125.947.489
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.190.687.182.561)	(14.005.767.141.048)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(856.276.713.482)	(571.822.325.945)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>374.374.707.094</b>	<b>(195.463.519.504)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>722.865.580.259</b>	<b>48.723.655.425</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.080.197.822.106</b>	<b>5.025.426.671.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.055.010.207	6.047.494.689
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.806.118.412.572</b>	<b>5.080.197.822.106</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thu Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Đạt

Tổng Giám đốc

Hà Quang Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Tổng công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0101216069 và thay đổi lần 9 ngày 12 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng công ty là 7.163.624.443.631 đồng, đây là mức vốn điều lệ được phê duyệt theo Quyết định số 12518/QĐ - BCT ngày 16/11/2015.

Ngày 28/02/2025 Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thống nhất ký Biên bản chuyển giao quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 18 tập đoàn, tổng công ty (trong đó có Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam) từ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Bộ Tài chính.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 30 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội;

Văn phòng đại diện tại số 126, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư, sản xuất kinh doanh ngành thuốc lá tại Việt Nam và nước ngoài;
- Trồng cây nguyên liệu thuốc lá;
- Dạy nghề ngắn hạn (dưới một năm), dạy nghề dài hạn (1-3 năm) các ngành nghề thuộc lĩnh vực trồng, chế biến nguyên liệu thuốc lá và sản xuất thuốc lá điếu, công nghiệp thực phẩm;
- Trồng trọt, chăn nuôi;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm và đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Sản xuất, bán buôn rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc;
- Kinh doanh lữ hành trong và ngoài nước;
- Vận chuyển hàng hóa và hành khách;
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng về: chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, kinh doanh, kỹ thuật, công nghệ, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tin học, ngoại ngữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

1.3. Cấu trúc của Tổng công ty

Cấu trúc của công ty mẹ - Tổng công ty tại ngày 31/12/2025:

- Cơ quan Văn phòng Tổng công ty (gồm Văn phòng Hà Nội và Hồ Chí Minh);
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:
  1. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá;
  2. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam;
  3. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá;
  4. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo VINATABA

Các công ty con của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025:

STT	Tên công ty con	Nơi đăng ký hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Các công ty con đầu tư trực tiếp</b>					
1.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
2.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	TP. Hà Nội	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
3.	Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	TP. Hà Nội	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thương mại, nghiên cứu khoa học và phân tích giám định
4.	Công ty TNHH MTV Nguyễn Du (*)	TP. Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc
5.	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	Tỉnh Bắc Ninh	79,41%	79,41%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá
6.	Công ty Cổ phần Hoà Việt	Tỉnh Đồng Nai	85,4%	85,4%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá
7.	Công ty Cổ phần Cát Lợi	TP. Hồ Chí Minh	61,46%	61,46%	Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị ngành thuốc lá
8.	Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	TP. Hải Phòng	51%	51%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá và thuốc lá điếu
9.	Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	TP. Cần Thơ	51%	51%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
10.	Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
<b>Các công ty con đầu tư gián tiếp</b>					
1.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
2.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
3.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Tỉnh Tây Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
5.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Tỉnh Vĩnh Long	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
6.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Tỉnh Vĩnh Long	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
7.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
8.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá

(\*) Công ty TNHH MTV Nguyễn Du đã chấm dứt toàn bộ hoạt động cho thuê văn phòng và giải quyết chế độ đối với toàn bộ lao động và đã thực hiện bàn giao mặt bằng cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam xây dựng trụ sở làm việc. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tiếp theo sẽ tùy thuộc vào quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:**

STT	Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1.	<b>Công ty liên doanh</b> Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp VINA TOYO	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	Đồng kiểm soát	Sản xuất kinh doanh thùng carton và giấy nhôm
1.	<b>Công ty liên kết</b> Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT-VINATABA	Tỉnh Đồng Nai	30,00%	33,33%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, cung cấp bao bì đóng gói và vật liệu phụ để sản xuất thuốc lá điếu
2.	Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	TP. Hà Nội	30,00%	30,00%	Bán buôn thực phẩm
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	25,46%	25,46%	Sản xuất nước tinh khiết
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	TP. Hà Nội	20,00%	20,00%	Kinh doanh bất động sản

**1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh được**

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

***Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp***

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu số kế toán và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhân đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc trong trường hợp không điều chỉnh thì mức ảnh hưởng là không trọng yếu.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Tổng công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

**4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí hợp nhất trong suốt niên độ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty và các công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

**4.4. Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư khoản mục này được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên 6 tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định hiện hành.

**4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định hiện hành.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
Phương tiện vận tải	3 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Tài sản cố định khác	3 - 10
Nâng cấp tài sản thuê	3 - 5

**4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa. Tổng công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính và Quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy vi tính	2 - 5
Nhãn hiệu đăng ký	3 - 11
Quyền sử dụng đất	25 - 50

**4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất, thuê văn phòng; công cụ dụng cụ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

- Các khoản trả trước tiền thuê đất; thuê hoạt động văn phòng, tài sản: thời gian phân bổ được xác định theo thời gian sử dụng, thuê đất và tài sản.
- Giá trị của công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn từ một năm trở lên được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.

**4.11. Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào công ty liên doanh***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty liên doanh).

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng mà trong đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư.

Khi phần sở hữu của Tổng công ty trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng công ty không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, Tổng công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Tổng công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư.

Phần sở hữu của Tổng công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư được xác định căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của bên nhận đầu tư tại ngày trích lập dự phòng.

**4.12. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhân ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhân ký cược, ký quỹ...

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Tổng công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản đi vay của các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp và cá nhân khác.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tắc (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

**4.14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.15. Quỹ tiền lương**

Quỹ lương được xác định theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính Phủ về Quy định chế độ tiền lương, thu lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn Nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp Nhà nước và các quy định của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

**4.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam là 7.163.624.443.631 đồng.

Tổng công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo các quy định hiện hành đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**4.17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Lãi tiền gửi, cho vay** được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Cụ thể như sau:

- Chiết khấu thương mại phản ánh khoản giảm giá niêm yết cho người mua với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Hàng bán bị trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Giảm giá hàng bán phản ánh khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

**4.19. Thuế**

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp mà Tổng công ty đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể gồm: các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo của Tổng công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tổng công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	9.607.173.495	12.068.833.133
Tiền gửi ngân hàng (1)	1.110.252.404.353	1.630.096.280.565
Tiền gửi tại kho bạc nhà nước (2)	286.765.757.314	286.765.757.314
Các khoản tương đương tiền (3)	4.399.493.077.410	3.151.266.951.094
<b>Cộng</b>	<b>5.806.118.412.572</b>	<b>5.080.197.822.106</b>

- (1) Số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm khoản tiền gửi 2.090.822.301 đồng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội, đây là khoản lãi phát sinh từ tiền đặt cọc cho dự án 235 Nguyễn Trãi từ năm 2008 của các cổ đông chưa quyết toán.
- (2) Khoản tiền gửi của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn tại Kho Bạc Nhà nước từ nguồn vốn chuyên mục đích sử dụng đất để thực hiện chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.
- (3) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

**6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng, giá gốc và giá trị ghi sổ như sau:

	<b>31/12/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>987.423.128.711</b>	<b>987.423.128.711</b>	<b>734.596.079.049</b>	<b>734.596.079.049</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	987.423.128.711	987.423.128.711	734.596.079.049	734.596.079.049
<b>Cộng</b>	<b>987.423.128.711</b>	<b>987.423.128.711</b>	<b>734.596.079.049</b>	<b>734.596.079.049</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**6.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

			31/12/2025		01/01/2025	
	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	%	%	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp VINA TOYO	50,00%	50,00%	17.219.648.757	21.434.499.444	17.219.648.757	21.136.732.494
Công ty TNHH Bao Bì C&A	50,00%	50,00%	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	3.229.348.753
Công ty Liên doanh BAT-VINATABA	30,00%	33,33%	88.407.155.329	604.355.202.759	88.407.155.329	555.390.356.858
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc (1)	30,00%	30,00%	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	25,46%	25,46%	5.100.000.000	3.346.286.405	5.100.000.000	3.345.734.032
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh BĐS Thăng Long	20,00%	20,00%	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket (2)	0,00%	0,00%	-	-	14.400.000.000	36.864.307.675
<b>Cộng</b>			<b>190.226.804.086</b>	<b>635.135.988.608</b>	<b>204.626.804.086</b>	<b>619.966.479.812</b>

- (1) Trong năm 2018, Tổng công ty cùng với các Bên liên quan đã thực hiện việc chuyển đổi (tái cơ cấu) Công ty Thực phẩm Miền Bắc thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc với số vốn điều lệ là 200 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần thứ 20) số 01001007099 ngày 25/07/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Giá trị vốn góp của Tổng công ty vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc được chuyển đổi từ khoản cho đơn vị này vay với số tiền 60 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc đang hoàn tất các xử lý tài chính, chưa xác định được giá trị chính thức bàn giao vốn và tài sản sang Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc cũng như chưa hoàn tất các thủ tục có liên quan đến quá trình tái cơ cấu.
- (2) Thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025, trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket theo Văn bản số 2240/UBQLV-CN ngày 02/10/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Ngày 18/12/2025, Tổng công ty nhận được văn bản số 5549/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thông báo kết quả đấu giá bán phần vốn góp của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket, với giá đấu thành công là 206.109.000.000 đồng. Tổng công ty nhận được văn bản số 2944/SGDHN-BĐG của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo kết quả nhà đầu tư trúng đấu giá và đã nhận được tiền mua phần vốn góp của nhà đầu tư trúng đấu giá vào ngày 30/12/2025. Theo đó, Tổng công ty không còn kiểm soát đơn vị này kể từ ngày 30/12/2025. Các thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket đã được các bên hoàn thành trong tháng 1/2026.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam, Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc, Công ty Cổ phần Rượu bia Đa Lạt và Công ty TNHH Bao bì C&A đang được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty là số liệu chưa được kiểm toán. Ban Tổng Giám đốc đánh giá vấn đề này không ảnh hưởng đáng kể đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**6.3 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia NaDa	2.353.500.000	(52.720.847)	2.406.220.847	2.353.500.000	(647.589.052)	1.705.910.948
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA	16.250.000.000	-	16.250.000.000	16.250.000.000	-	16.250.000.000
Công ty Cổ phần DALATBECO	5.854.200.000	-	5.854.200.000	5.854.200.000	-	5.854.200.000
<b>Cộng</b>	<b>24.457.700.000</b>	<b>(52.720.847)</b>	<b>24.510.420.847</b>	<b>24.457.700.000</b>	<b>(647.589.052)</b>	<b>23.810.110.948</b>

Thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025 được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 756/QĐ-UBQLV 20/12/2023 và các phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Ủy ban quản lý vốn nhà nước, Tổng công ty đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính, trong đó bao gồm vốn đầu tư tại: Công ty Cổ phần Dalatbeco ("Dalatbeco"), Công ty Cổ phần Bia NaDa ("Bia Nada") và Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA ("BĐS Lilama").

Tổng công ty đã thực hiện đăng ký đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chuyển nhượng vốn đầu tư tại 03 doanh nghiệp nêu trên. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã phê duyệt hồ sơ đấu giá và có kế hoạch thực hiện phiên đấu giá vào ngày 18 và 19/12/2025. Tuy nhiên, các phiên đấu giá không đủ điều kiện thực hiện do không có nhà đầu tư tham gia đấu giá đối với phần vốn đầu tư tại BĐS Lilama, Bia NaDa và các phiếu tham dự đấu giá đều không hợp lệ đối với phần vốn đầu tư tại Dalatbeco.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm NEW TOYO	85.768.089.386	66.401.363.221
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sản xuất Hưng Thịnh	18.560.525.407	17.149.493.847
Eden International FZE	14.692.293.000	-
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Văn Hậu	14.501.348.647	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Thịnh	14.414.600.000	21.252.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Hải Phòng	14.379.780.000	26.023.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	11.994.432.215	60.921.476
Công ty TNHH Sản xuất TMDV Tiên Thành	11.885.750.000	10.824.160.400
Công ty TNHH Thiên Lợi Hòa	11.623.455.634	11.623.455.634
Công ty TNHH ĐTTM Ngô Tuyết	9.912.099.900	24.794.000.000
Công ty TNHH Hải Tuấn	9.670.620.000	26.961.396.701
T-Tech Group International Limited	2.666.581.866	19.543.865.441
<b>Khách hàng khác</b>	<b>184.590.389.640</b>	<b>202.775.588.740</b>
<b>Cộng</b>	<b>404.659.965.695</b>	<b>427.409.245.460</b>
- Trong đó:		
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (1)	4.191.288.824	13.932.492.634

(1) Chi tiết tại Thuyết minh số 29.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Nhập khẩu tạm nộp của nguyên vật liệu sản xuất thuốc lá xuất khẩu	84.469.632.823	133.547.994.288
Lãi tiền gửi dự thu	26.451.574.149	20.980.105.518
Phải thu cơ quan bảo hiểm	10.318.680.531	-
Philip Morris Products S.A.	5.430.579.552	-
Oriental General Trading Inc.	4.705.746.830	24.011.572.164
Ray Tobacco Inc., LLC	4.023.899.154	2.671.263.000
Phải thu từ các thoãn thuận hoàn trả	2.014.055.935	6.483.063.892
Phải thu về bồi thường	1.366.714.171	1.353.078.584
Tồn thất giá trị hàng hóa kho TRASAS	1.147.987.494	1.147.987.494
BMC Global Trading	1.069.067.380	1.047.182.024
Đóng góp thặng dư cho VTA sau khi quyết toán	1.040.046.376	1.040.046.376
Phí bảo vệ môi trường	932.162.287	-
Thuế chống bán phá giá tạm nộp	-	2.811.906.731
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	846.278.284
Quỹ phòng, chống buôn lậu thuốc lá và chống sản xuất, buôn bán thuốc lá giả	218.845.648	703.212.125
Phải thu của người lao động	865.103.155	2.880.965.207
Ký cược, ký quỹ	8.120.461.281	6.234.967.855
Tam ứng	6.241.123.870	9.252.980.357
Phải thu khác	68.416.950.541	87.730.498.728
<b>Cộng</b>	<b><u>226.832.631.177</u></b>	<b><u>302.743.102.627</u></b>
- Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (1)	340.000.000	505.192.072

(1) Chi tiết tại Thuyết minh số 29.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐỔI

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Thiên Lợi Hòa	11.623.455.634	(11.623.455.634)	11.623.455.634	(11.623.455.634)
DNTN Minh Tùng	4.440.178.605	(4.440.178.605)	4.440.178.605	(4.440.178.605)
Công ty Lâm Kim Ngọc	3.690.000.000	(3.690.000.000)	3.690.000.000	(3.690.000.000)
Công ty Cổ phần Văn tài và Dịch vụ Hàng Hải	1.147.987.494	(1.147.987.494)	1.147.987.494	(1.147.987.494)
DNTN Thịnh Dung	883.174.550	(883.174.550)	883.174.550	(883.174.550)
Công ty TNHH Thiên Ngân Phát	389.892.450	(389.892.450)	509.628.450	(509.628.450)
Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại Vạn Xuân	124.471.364	(124.471.364)	124.471.364	(124.471.364)
Các đối tượng khác	9.045.956.652	(8.462.840.062)	8.495.444.680	(8.056.767.042)
<b>Cộng</b>	<b>31.345.116.749</b>	<b>(30.762.000.159)</b>	<b>30.914.340.777</b>	<b>(30.475.663.139)</b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>51.138.425.492</b>	<b>57.160.562.367</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.499.656.595	16.929.832.680
Chi phí trả trước thuê hoạt động	-	2.542.363.457
Chi phí bảo hiểm	11.338.500.406	8.042.600.869
Chi phí thuê và sửa chữa TSCĐ	4.173.446.573	12.767.659.263
Chi phí bảo hộ lao động	2.302.460.000	2.303.140.000
Tiền thuê đất	3.039.447.941	3.061.947.941
Các khoản khác	12.784.913.977	11.513.018.157
<b>Dài hạn</b>	<b>232.914.826.422</b>	<b>226.267.972.626</b>
Chi phí trả trước thuê văn phòng (1)	113.099.228.512	116.708.797.300
Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.568.602.196	15.248.859.549
Tiền thuê đất	30.034.048.666	35.751.259.389
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	51.566.566.126	42.302.317.793
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.646.380.922	16.256.738.595
<b>Cộng</b>	<b>284.053.251.914</b>	<b>283.428.534.993</b>

- (1) Khoản tiền thuê hoạt động dài hạn văn phòng còn lại chưa phân bổ theo Hợp đồng thuê số 01/2012/HDTVP giữa Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba ngày 22/03/2012. Theo đó, Tổng công ty được quyền sử dụng, khai thác diện tích thuê là 2.943,9 m<sup>2</sup> mặt bằng từ tầng 04 đến tầng 07 tại tòa nhà 83A Lý Thường Kiệt từ khi nhận bàn giao đến hết tháng 04 năm 2057 với đơn giá thuê là 56.050.832,16 VND/m<sup>2</sup> cho toàn bộ thời gian thuê. Tổng số tiền thuê 164.980.019.377 đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí như thủ tục liên quan đến việc xin phép, thiết kế, xây dựng, bảo hành tòa nhà, tiền thuê đất và đã bao gồm thuế GTGT và được thanh toán toàn bộ giá trị tính tới thời điểm ký hợp đồng. Đơn giá thuê cố định và không điều chỉnh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Đơn giá thuê trên chưa bao gồm các chi phí dịch vụ của tòa nhà, chi phí liên quan đến việc sử dụng thường xuyên như chi phí điện, nước, điện thoại, internet... và các khoản phí, lệ phí... theo quy định của pháp luật liên quan đến ký hợp đồng dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.341.338.921.322	-	2.216.385.185.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.947.464.657.814	(16.925.130.731)	9.104.093.312.201	(19.850.464.475)
Công cụ, dụng cụ	132.328.191.699	(353.012.110)	117.120.462.587	(384.954.095)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	268.517.737.771	-	218.735.211.739	-
Thành phẩm	2.207.113.017.481	(28.514.106.834)	1.687.066.257.851	(6.488.897.856)
Hàng hoá	163.630.447.962	-	50.060.569.779	-
Hàng gửi bán	89.397.937.982	-	82.907.596.939	-
<b>Cộng</b>	<b>16.149.790.912.031</b>	<b>(45.792.249.675)</b>	<b>13.476.368.596.267</b>	<b>(26.724.316.426)</b>

Giá gốc của khoản mục Hàng tồn kho của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 có giá trị 16.149,79 tỷ đồng (chiếm 59% tổng giá trị tài sản) bao gồm chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu có giá trị là 10.947 tỷ đồng (Trong đó, số dư của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn là 2.896 tỷ đồng và Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long là 4.683 tỷ đồng). Ban Lãnh đạo Tổng công ty tin tưởng rằng, mức trích lập dư phòng giảm giá hàng tồn kho đủ để bù đắp cho mức độ suy giảm giá trị của hàng tồn kho, việc dự trữ hàng tồn kho như hiện tại là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu dự trữ đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục và điều này không làm ảnh hưởng trong yếu tố tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2025	<b>2.004.673.455.191</b>	<b>5.151.163.970.687</b>	<b>290.157.225.285</b>	<b>180.380.459.116</b>	<b>25.272.974.124</b>	<b>7.651.648.084.402</b>
Mua sắm trong năm	5.560.796.105	93.526.309.292	17.530.885.388	10.361.397.854	500.037.665	127.479.426.304
Xây dựng cơ bản hoàn thành	57.227.928.131	47.864.645.526	13.667.322.455	224.580.582	-	118.984.476.694
Nâng cấp, cải tạo TSCĐ	3.757.218.037	5.969.296.229	536.753.000	-	-	10.263.267.266
Phân loại lại	13.474.877.164	(3.254.748.926)	2.546.181.975	(12.766.310.213)	-	-
Thanh lý trong năm	(551.225.747)	(20.655.683.760)	(13.783.908.523)	(2.557.423.203)	(3.433.140.197)	(40.981.381.430)
Điều chỉnh khác	(118.220.000)	13.891.818	-	-	-	(104.328.182)
Giảm do thoái vốn	(25.237.232.372)	(46.058.746.517)	(11.527.643.952)	(582.974.412)	(10.973.975.469)	(94.380.572.722)
Tại ngày 31/12/2025	<b>2.058.787.596.509</b>	<b>5.228.568.934.349</b>	<b>299.126.815.628</b>	<b>175.059.729.724</b>	<b>11.365.896.123</b>	<b>7.772.908.972.332</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2025	<b>947.532.746.969</b>	<b>3.958.237.509.514</b>	<b>245.504.261.319</b>	<b>138.181.523.771</b>	<b>23.959.064.326</b>	<b>5.313.415.105.899</b>
Khấu hao trong năm	85.256.704.416	220.428.108.904	15.458.599.791	11.993.990.903	590.262.844	333.727.666.858
Phân loại lại	31.690.997	6.038.901.175	607.949.730	(6.678.541.902)	-	-
Thanh lý	(551.225.747)	(20.636.772.487)	(13.783.908.523)	(2.557.423.203)	(3.433.140.197)	(40.962.470.157)
Điều chỉnh khác	(68.429.994)	34.411.818	-	-	-	(34.018.176)
Giảm do thoái vốn	(16.335.973.243)	(42.426.498.206)	(8.460.441.111)	(274.726.117)	(9.901.072.207)	(77.398.710.884)
Tại ngày 31/12/2025	<b>1.015.865.513.398</b>	<b>4.121.675.660.718</b>	<b>239.326.461.206</b>	<b>140.664.823.452</b>	<b>11.215.114.766</b>	<b>5.528.747.573.540</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2025	<b>1.057.140.708.222</b>	<b>1.192.926.461.173</b>	<b>44.652.963.966</b>	<b>42.198.935.344</b>	<b>1.313.909.798</b>	<b>2.338.232.978.503</b>
Tại ngày 31/12/2025	<b>1.042.922.083.111</b>	<b>1.106.893.273.631</b>	<b>59.800.354.422</b>	<b>34.394.906.271</b>	<b>150.781.357</b>	<b>2.244.161.398.792</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 3.594.811.802.146 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Nhãn hiệu, thương hiệu</b>	<b>Khác</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>164.912.043.776</b>	<b>53.017.723.546</b>	<b>5.516.996.258</b>	<b>1.592.076.000</b>	<b>225.038.839.580</b>
Mua sắm trong năm	-	6.079.405.000	311.492.000	-	6.390.897.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	15.166.669.430	-	-	15.166.669.430
Tặng khác	-	15.000.000	-	-	15.000.000
Thanh lý trong năm	-	(92.718.000)	-	-	(92.718.000)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	(1.310.076.000)	(1.310.076.000)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>164.912.043.776</b>	<b>74.186.079.976</b>	<b>5.828.488.258</b>	<b>282.000.000</b>	<b>245.208.612.010</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>70.854.695.991</b>	<b>39.464.592.944</b>	<b>4.382.561.224</b>	<b>887.214.889</b>	<b>115.589.065.048</b>
Khấu hao trong năm	3.839.601.609	5.734.463.654	30.962.829	-	9.605.028.092
Thanh lý trong năm	-	(92.718.000)	-	-	(92.718.000)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	(605.214.889)	(605.214.889)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>74.694.297.600</b>	<b>45.106.338.598</b>	<b>4.413.524.053</b>	<b>282.000.000</b>	<b>124.496.160.251</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>94.057.347.785</b>	<b>13.553.130.602</b>	<b>1.134.435.034</b>	<b>704.861.111</b>	<b>109.449.774.532</b>
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>90.217.746.176</b>	<b>29.079.741.378</b>	<b>1.414.964.205</b>	<b>-</b>	<b>120.712.451.759</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn</b>	<b>1.685.125.161</b>	<b>16.345.939.732</b>
+ Dự án Xây dựng và cung cấp giải pháp công nghệ số hóa cho dây chuyền chế biến sợi 6 tấn/giờ	214.686.527	1.597.970.527
+ Đầu tư hệ thống tin học		5.181.876.000
+ Các dự án đầu tư khác		-
+ Sửa chữa, cải tạo kho chứa nguyên liệu số 5 và 14 tại Long Bình		8.320.177.236
+ Dự án khác	1.470.438.634	1.245.915.969
<b>Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long</b>	<b>25.055.485.188</b>	<b>8.448.423.118</b>
+ Dự án xử lý mùi cho máy hấp chân không và máy sấy thấp của Phân xưởng sợi	19.769.680.405	311.725.590
+ Nhà kho 3 tầng, kết hợp dự phòng mặt bằng sản xuất và để xe trên tầng 4 (nhà 33) của Công ty Hệ thống băng tải chuyên điều	2.925.818.462	-
+ Hệ thống băng tải chuyên điều		5.898.000.000
+ Dự án khác	2.359.986.321	2.238.697.528
<b>Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris</b>	<b>19.194.366.615</b>	<b>22.342.598.678</b>
+ Đầu tư mở rộng kho chứa nguyên liệu	19.194.366.615	22.342.598.678
<b>Công ty TNHH Liên Doanh Vina - BAT</b>	<b>5.037.731.283</b>	<b>3.224.518.401</b>
+ Nhà máy Kiên Giang	5.037.731.283	3.224.518.401
<b>Công ty Cổ phần Hòa Việt</b>	<b>2.120.216.302</b>	<b>471.500.000</b>
+ Dự án hệ thống PCCC tự động	1.519.716.302	-
+ Dự án khác	600.500.000	471.500.000
<b>Công ty Cổ phần Ngân Sơn</b>	<b>7.062.176.486</b>	<b>-</b>
+ Dự án đầu tư dây chuyền sợi	6.971.176.486	-
+ Công trình kho thành phẩm lạnh (sợi thuốc lá)	91.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An</b>	<b>9.266.065.888</b>	<b>968.431.481</b>
+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC	8.549.038.888	378.631.481
+ Dự án khác	717.027.000	589.800.000
<b>Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa</b>	<b>575.946.256</b>	<b>569.606.596</b>
+ Mua bơm chân không DOSAKI	325.000.000	-
+ Dự án khác	250.946.256	569.606.596
<b>Công ty Cổ phần Cát Lợi</b>	<b>3.136.160.000</b>	<b>105.194.216</b>
+ Hệ thống điều hòa nhiệt độ tại phân xưởng cây đầu lọc	3.136.160.000	105.194.216
<b>Công trình khác</b>	<b>3.287.700.000</b>	<b>846.116.278</b>
<b>Cộng</b>	<b>76.420.973.179</b>	<b>53.322.328.500</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Imex Pan Pacific Group Limited	576.991.536.130	576.991.536.130	109.109.566.566	109.109.566.566
Hail & Cotton International B.V	414.976.437.108	414.976.437.108	354.070.079.906	354.070.079.906
Hanchen Tobacco (Hong Kong) Limited	240.928.999.859	240.928.999.859	357.501.160.170	357.501.160.170
Tobacco Trading and Services International Ltd	152.928.795.569	152.928.795.569	30.371.426.875	30.371.426.875
ARK Tobacco Material Service	143.124.723.455	143.124.723.455	-	-
SanGroup International Pte.,Ltd	123.197.593.560	123.197.593.560	46.670.179.050	46.670.179.050
CTA-Continental Tobaccos Alliance S/A	120.682.083.245	120.682.083.245	91.746.742.230	91.746.742.230
Austnam International Trading Pty Ltd	116.668.688.994	116.668.688.994	54.587.667.420	54.587.667.420
Công ty Cổ phần Đồng Việt Thành	113.984.693.390	113.984.693.390	109.312.703.600	109.312.703.600
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT - Vinataba	98.681.625.434	98.681.625.434	99.944.059.111	99.944.059.111
Pome Tobacco International Ltd	91.491.525.970	91.491.525.970	-	-
Công ty Cổ phần Thuốc lá Tây Nguyên	78.056.760.000	78.056.760.000	-	-
OTS Trading Ltd	73.116.459.064	73.116.459.064	178.226.963.442	178.226.963.442
Công ty Nomura	64.759.103.017	64.759.103.017	78.782.113.728	78.782.113.728
British-American Tobacco Marketing (Singapore) Private Limited	50.230.437.782	50.230.437.782	25.953.892.127	25.953.892.127
Công ty Cổ phần Đầu tư Thuốc lá Gia Lai	46.720.000.000	46.720.000.000	-	-
British America Shared Services (GSD) Limited	39.063.416.687	39.063.416.687	30.064.630.327	30.064.630.327
Công ty Intelligent Joy Int'l Hong Kong Limited	35.652.472.050	35.652.472.050	18.291.960.900	18.291.960.900
Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm NEW TOYO	28.345.536.900	28.345.536.900	29.983.007.952	29.983.007.952
June Kruoch Trading Co., Ltd	27.418.891.500	27.418.891.500	26.560.264.500	26.560.264.500
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Lộc Gia Bảo	26.263.823.076	26.263.823.076	31.354.034.012	31.354.034.012
Premium Tobacco International DMCC	21.327.878.262	21.327.878.262	460.686.973.442	460.686.973.442
Its Leaf Limited	-	-	89.303.325.397	89.303.325.397
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Văn Hậu	-	-	52.328.854.958	52.328.854.958
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>1.548.022.273.225</b>	<b>1.548.022.273.225</b>	<b>1.202.631.903.560</b>	<b>1.202.631.903.560</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.232.633.754.277</b>	<b>4.232.633.754.277</b>	<b>3.477.481.509.273</b>	<b>3.477.481.509.273</b>
- Trong đó:				
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (1)	111.840.471.677	111.840.471.677	105.678.457.416	105.678.457.416

(1) Chi tiết tại Thuyết minh số 29.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>396.801.157.227</b>	<b>382.037.713.083</b>
Tiền hỗ trợ Dự án di dời nhà máy (1)	102.499.999.999	252.499.999.999
Quỹ bảo vệ môi trường	73.509.328.107	3.041.940.123
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.754.800.811	28.851.277.702
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	12.952.861.480	10.689.691.918
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	12.107.936.947	15.128.316.945
Phải trả đầu tư phát triển thị trường	6.277.740.050	5.652.808.500
Phải trả Thành ủy Hải Phòng	4.803.867.505	551.574.747
Tiền đặt cọc để thực hiện dự án 235 Nguyễn Trãi	2.990.935.846	2.988.732.610
Phải trả về thuế tiêu thu đặc biệt hàng gia công	2.181.992.227	1.918.131.429
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	1.180.095.481	559.349.481
Japan Tobacco Inc.	48.814.756.360	30.062.132.162
Oriental General Trading Inc	26.103.064.526	-
Ots Trading Inc Limited	14.189.684.688	-
THTG PTE., LTD	8.389.760.685	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú	6.600.000.000	6.600.000.000
TTS Tabacos E Servicios LTDA	6.244.749.475	-
Optorun Tech Limited	4.191.768.504	-
Hail & Cotton Africa Limited	3.817.162.800	-
Phải trả ngắn hạn khác	38.190.651.736	23.493.757.467
<b>b. Dài hạn</b>	<b>868.470.553</b>	<b>25.950.744.896</b>
Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu	-	14.725.638.097
Nhận kí quỹ, ký cược dài hạn	868.470.553	-
Các khoản phải trả khác	-	25.950.744.896
<b>Cộng</b>	<b>397.669.627.780</b>	<b>407.988.457.979</b>

(1) Bao gồm 02 khoản:

- Khoản gốc vay phải trả theo Hợp đồng vay số 01/12/HĐV/TLC-Vinataba Thăng Long ngày 05/10/2012 và Hợp đồng vay số 02/12/HĐV/TLC-Vinataba Thăng Long ngày 05/10/2012 với tổng số tiền 80 tỷ đồng và lãi vay phải trả với số tiền 22.499.999.999 đồng của Hợp đồng vay số 01/12/TLC-VINATABA THĂNG LONG cho Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thăng Long để phục vụ việc di dời cơ sở sản xuất từ 235 Nguyễn Trãi sang địa điểm mới. Theo điều khoản của hợp đồng, khi dự án Tổ hợp Văn phòng, trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở tại 235 Nguyễn Trãi được cấp Giấy phép chứng nhận Đầu tư thì khoản vay và lãi vay nêu trên sẽ được chuyển thành khoản hỗ trợ để thực hiện việc di dời cơ sở sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Khoản tiền ứng trước 150 tỷ đồng kinh phí hỗ trợ theo Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 10/08/2015 của Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 04/8/2008 giữa Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Tập đoàn VinGroup, Công ty TNHH Thành phố Mặt Trời Mộc, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long - công ty con về việc hỗ trợ di dời nhà máy Thuốc lá Thăng Long với tổng kinh phí hỗ trợ là 300 tỷ đồng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long được ứng trước 150 tỷ ngay sau khi ký Phụ lục hợp đồng. Số tiền 150 tỷ còn lại sẽ được hỗ trợ theo lộ trình: 100 tỷ đồng sau khi UBND Thành phố Hà Nội ra quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và 50 tỷ đồng còn lại được chuyển sau khi Công ty này bàn giao mặt bằng khu đất cho Tập đoàn VinGroup.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.918.377.870.014</b>	<b>3.918.377.870.014</b>	<b>15.436.936.850.355</b>	<b>14.201.148.134.194</b>	<b>5.154.166.586.175</b>	<b>5.154.166.586.175</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>3.914.082.362.096</i>	<i>3.914.082.362.096</i>	<i>15.436.733.517.801</i>	<i>14.200.880.424.069</i>	<i>5.149.935.455.828</i>	<i>5.149.935.455.828</i>
Vietcombank	1.329.390.805.257	1.329.390.805.257	5.583.329.332.854	5.033.005.895.220	1.879.714.242.891	1.879.714.242.891
VietinBank	1.224.121.005.413	1.224.121.005.413	5.123.797.338.317	5.234.184.577.081	1.113.733.766.649	1.113.733.766.649
Shinhan Bank	226.708.350.125	226.708.350.125	519.391.689.576	489.756.237.342	256.343.802.359	256.343.802.359
MB Bank	10.000.000.000	10.000.000.000	450.164.684.206	120.667.157.121	339.497.527.085	339.497.527.085
VIB	10.000.000.000	10.000.000.000	86.918.864.067	85.499.450.491	11.419.413.576	11.419.413.576
TPBank	42.871.148.050	42.871.148.050	132.051.133.083	174.922.281.133	-	-
MSB	106.466.256.347	106.466.256.347	147.744.757.913	197.242.473.494	56.968.540.766	56.968.540.766
HSBC	488.923.603.070	488.923.603.070	1.200.000.000.000	1.088.923.603.070	600.000.000.000	600.000.000.000
BIDV	387.313.324.702	387.313.324.702	1.411.188.367.776	1.171.799.631.707	626.702.060.771	626.702.060.771
ACB	83.887.869.132	83.887.869.132	698.497.435.269	594.361.578.746	188.023.725.655	188.023.725.655
Sacombank	-	-	72.769.914.740	37.538.664	72.732.376.076	72.732.376.076
Agribank	-	-	6.080.000.000	6.080.000.000	-	-
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh	4.400.000.000	4.400.000.000	4.800.000.000	4.400.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
<b>Vay ngắn hạn đối tượng khác</b>	<b>4.295.507.918</b>	<b>4.295.507.918</b>	<b>203.332.554</b>	<b>267.710.125</b>	<b>4.231.130.347</b>	<b>4.231.130.347</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh	4.800.000.000	4.800.000.000	-	4.800.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.923.177.870.014</b>	<b>3.923.177.870.014</b>	<b>15.436.936.850.355</b>	<b>14.205.948.134.194</b>	<b>5.154.166.586.175</b>	<b>5.154.166.586.175</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2025</u>		<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp/được hoàn trong năm</u>	<u>Giảm do thoái vốn</u>	<u>31/12/2025</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>				<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>				<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT	252.665.796	263.913.911.897	3.555.092.467.387	3.546.100.148.334	(1.074.941.511)	255.705.897	271.834.329.540
Thuế TTĐB	-	1.383.456.593.675	15.524.943.974.852	15.358.438.837.651	-	-	1.549.961.730.876
Thuế XNK	841.726.652	38.350.082	1.805.372.761.706	1.805.033.140.668	-	465.802.389	2.046.857
Thuế TNDN	21.789.437.650	60.083.712.107	482.235.188.887	417.745.513.802	(111.149.964)	224.703.548	102.897.503.126
Thuế TNCN	1.295.076.792	30.217.983.256	278.117.017.360	262.221.467.318	8.710.694	697.386.846	45.524.554.046
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	22.912.721.363	29.221.048.593	-	6.308.327.230	-
Thuế nhà thầu	-	-	8.278.672.869	8.289.533.097	-	10.860.228	-
Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách	-	209.396.196.864	1.259.705.974.795	640.000.000.000	-	-	829.102.171.659
Các khoản khác	2.097.600.930	36.690.768.050	347.239.366.781	267.841.632.881	-	2.035.248.109	116.026.149.129
<b>Cộng</b>	<b>26.276.507.820</b>	<b>1.983.797.515.931</b>	<b>23.283.898.146.000</b>	<b>22.334.891.322.344</b>	<b>(1.177.380.781)</b>	<b>9.998.034.247</b>	<b>2.915.348.485.233</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>350.962.349.694</b>	<b>2.019.895.203.142</b>	<b>9.491.857.658</b>	<b>977.605.723.558</b>	<b>36.673.220.144</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.262.040.374.408	-
- Trích quỹ ĐTPT	-	-	294.944.898.840	-	(294.944.898.840)	-
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(422.044.713.044)	-
- Lợi nhuận trả cho CSH	-	-	-	-	(641.212.700.573)	-
- Thay đổi LDLK	-	283.794.416	883.308.673	-	(18.575.416.916)	-
- Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	121.096.465.238	-
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>351.246.144.110</b>	<b>2.315.723.410.655</b>	<b>9.491.857.658</b>	<b>983.964.833.831</b>	<b>36.673.220.144</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>351.246.144.110</b>	<b>2.315.723.410.655</b>	<b>9.491.857.658</b>	<b>983.964.833.831</b>	<b>36.673.220.144</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.698.099.380.132	-
- Trích quỹ ĐTPT	-	-	15.383.361.848	-	(15.383.361.848)	-
- Trích quỹ KTPL từ LNST năm 2024	-	-	-	-	(20.601.134.662)	-
- Tam trích quỹ KTPL từ LNST năm 2025	-	-	-	-	(422.039.106.422)	-
- Lợi nhuận trả cho CSH	-	-	-	-	(1.259.705.974.795)	-
- Thay đổi LDLK	-	(15.154.612.216)	(6.912.331.412)	-	30.842.863.338	-
- Điều chỉnh do thoái vốn	-	(1.691.206.170)	(3.508.520.379)	-	30.875.393.019	-
- Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	20.132.019.887	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>334.400.325.724</b>	<b>2.320.685.920.712</b>	<b>9.491.857.658</b>	<b>1.046.184.912.480</b>	<b>36.673.220.144</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán thuốc lá bao	23.703.789.255.236	20.858.561.796.608
Doanh thu bán hàng hóa	5.730.916.676.121	5.749.599.669.115
Doanh thu bán thành phẩm	693.544.777.740	571.237.688.540
Doanh thu bán nguyên liệu thuốc lá	838.097.606.241	800.827.194.924
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu phụ, phế liệu, vật tư	144.187.501.354	139.345.342.831
Doanh thu gia công, chế biến	428.391.879.126	246.980.100.001
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.116.757.481	192.542.417.420
Doanh thu khác	105.400.474.184	118.806.990.103
Doanh thu phế liệu thu hồi	20.425.890.619	16.877.867.412
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>31.724.870.818.102</b>	<b>28.694.779.066.954</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	187.319.165.744	176.857.372.208
Hàng bán bị trả lại	17.340.439.164	25.344.013.619
<b>Cộng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>204.659.604.908</b>	<b>202.201.385.827</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>31.520.211.213.194</b>	<b>28.492.577.681.127</b>
- Trong đó:		
Doanh thu các bên liên quan (1)	662.141.535.382	548.947.073.965

(1) Chi tiết tại Thuyết minh số 29.

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn thuốc lá bao	19.765.722.047.751	17.771.560.322.160
Giá vốn hàng hoá đã bán	4.433.657.409.500	4.329.824.757.052
Giá vốn thành phẩm đã bán	902.893.448.713	21.546.197.802
Giá vốn nguyên liệu thuốc lá	626.757.383.705	540.063.078.432
Giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu phụ, vật tư đã bán	133.298.571.495	130.308.968.358
Giá vốn gia công, chế biến	303.590.382.416	249.968.654.077
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.241.819.494	150.293.853.259
Giá vốn khác	53.430.126.174	88.060.639.667
Giá vốn phế liệu thu hồi	20.425.890.619	16.877.867.412
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22.747.390.601	6.957.707.111
Giá vốn hàng hủy	-	5.640.223.198
<b>Cộng</b>	<b>26.271.764.470.468</b>	<b>23.311.102.268.528</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	194.273.710.606	144.237.589.340
Lãi chênh lệch tỷ giá	127.362.966.702	150.321.126.832
- Đã thực hiện	111.375.033.109	141.697.943.951
- Chưa thực hiện	15.987.933.593	8.623.182.881
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	479.548.169	36.761.453.585
Lãi thanh toán hộ cho IMOHOP LLC	34.724.477	76.323.518
Lãi chuyên nhượng các khoản đầu tư dài hạn (1)	308.272.503.479	-
Khác	3.340.713.413	305.879.180
<b>Cộng</b>	<b>633.764.166.846</b>	<b>331.702.372.455</b>

(1) Là khoản lãi chuyên nhượng công ty con, công ty liên kết trong năm 2025 gồm:

- Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki Công ty (Công ty con): Thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025, trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện chuyên nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki theo văn bản số 2101/UBQLV-CN ngày 17/09/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Ngày 19/12/2025, Tổng công ty nhận được văn bản số 5563/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thông báo kết quả đấu giá bán phần vốn góp của Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki, với giá đầu thành công là 177.067.736.498 đồng. Tổng công ty nhận được văn bản số 2948/SGDHN-BĐG của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo kết quả nhà đầu tư trúng đấu giá và đã nhận được tiền mua phần vốn góp của nhà đầu tư trúng đấu giá vào ngày 30/12/2025. Theo đó, Tổng công ty không còn kiểm soát đơn vị này kể từ ngày 30/12/2025. Các thủ tục pháp lý liên quan đến chuyên quyền sở hữu vốn góp tại Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki đã được các bên hoàn thành vào tháng 1/2026.
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miiiket (Công ty liên kết) (xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.2).

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	185.214.561.271	137.056.943.644
Chiết khấu thanh toán	-	33.925.100.442
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(3.365.519.452)	2.623.807.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	83.338.322.213	82.815.721.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	3.503.515.905	1.124.648.032
Khác	2.497.458.687	1.338.109.707
<b>Cộng</b>	<b>271.188.338.624</b>	<b>258.884.330.459</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	387.851.287.294	391.591.696.394
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	22.602.534.803	18.378.675.152
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.698.459.931	3.832.640.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	493.399.297.618	333.284.005.111
Chi phí bằng tiền khác	523.355.948.007	625.368.094.792
<b>Cộng</b>	<b>1.434.907.527.653</b>	<b>1.372.455.112.010</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.120.792.205.136	1.182.639.548.312
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	47.551.963.768	59.330.873.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.066.113.816	58.992.875.447
Thuế, phí, lệ phí	28.927.129.041	39.123.987.114
(Hoàn nhập)/Trích lập Dự phòng phải thu khó đòi	(6.307.021.847)	1.430.817.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.486.699.584	315.288.815.734
Chi phí nộp các quỹ của ngành thuốc lá	500.713.003.879	450.944.322.727
Chi phí khác	614.863.505.459	535.011.409.981
<b>Cộng</b>	<b>2.614.093.598.836</b>	<b>2.642.762.650.255</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hỗ trợ tài chính từ Philip Morris International Product SA (1)	260.573.615.224	269.842.132.213
Tiền hỗ trợ Dự án di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long (2)	250.000.000.000	-
Lãi do đánh giá lại tài sản	20.819.317.690	-
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	18.007.916.747	17.646.709.840
Kinh phí phát triển thị trường	4.924.248.136	-
Nhận bồi thường, phạt	4.006.915.006	2.297.360.136
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.825.836.126	6.978.719.101
Phí tiêu hủy thuốc lá	16.514.343	230.030.307
Các khoản khác	18.741.738.168	46.677.297.089
<b>Cộng</b>	<b>580.916.101.440</b>	<b>343.672.248.686</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

- (1) Là khoản hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris (công ty con) được nhận từ Công ty Philip Morris Products S.A theo Hợp đồng Hỗ trợ được ký kết vào ngày 22 tháng 11 năm 2010 và các hợp đồng điều chỉnh.
- (2) Khoản hỗ trợ di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long với số tiền 250 tỷ đồng theo Biên bản làm việc ngày 15/12/2025 giữa Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long, Tập đoàn VinGroup - Công ty CP và Công ty Cổ phần Vinhomes (xem thêm tại Thuyết minh số 16).

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí dự phòng phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (1)	66.443.585.808	-
Thuế nhập khẩu tại Công ty Thuốc lá Thăng Long không đủ điều kiện hoàn thuế	49.078.361.465	16.209.157.523
Chi phí tiêu hủy thuốc lá	670.259.161	2.385.016.568
Chi phí thanh lý tài sản cố định	178.948.682	14.090.908
Các khoản khác	19.351.772.783	17.159.786.369
<b>Cộng</b>	<b>135.722.927.899</b>	<b>35.768.051.368</b>

- (1) Theo bản án phúc thẩm số 25/2026/KDTM-PT ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 ("Xây dựng Số 5"), buộc Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn - công ty con của Tổng công ty phải thanh toán cho Xây dựng Số 5 số tiền 66,44 tỷ đồng. Công ty Thuốc lá Sài Gòn đã ghi nhận dự phòng phải trả ngắn hạn tương ứng với khoản mục chi phí khác vào kết quả kinh doanh năm 2025. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Thuốc lá Sài Gòn đang thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành thủ tục Giám đốc thẩm, các điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty Thuốc lá Sài Gòn thực hiện sau khi có kết quả thủ tục Giám đốc thẩm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	161.605.939.597	104.580.442.345
Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	86.838.600.966	87.557.016.571
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	51.776.676.819	49.461.177.575
Công ty Cổ phần Cát Lợi	45.919.094.359	40.062.909.036
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	44.619.208.624	-
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	26.417.590.145	20.561.242.258
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	13.455.385.469	11.395.378.646
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	11.761.964.587	9.742.393.770
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	6.301.135.463	4.803.503.273
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	5.384.659.677	4.611.603.176
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	5.112.777.445	4.671.163.096
Công ty Cổ phần Hòa Việt	4.959.834.833	3.491.647.515
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	4.442.834.313	3.499.771.976
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	4.050.368.926	2.768.580.687
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	1.848.154.895	3.704.046.530
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	1.647.381.263	1.527.885.818
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	794.981.975	536.399.562
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	553.000.644	753.425.077
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	399.823.152	531.342.922
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	148.442.911	139.038.371
Điều chỉnh khác	-	1.056.882.375
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>478.037.856.063</b>	<b>355.455.850.579</b>

**29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan của Tổng công ty:

<b>Các đơn vị</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp VINA TOYO	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Liên doanh Thuốc lá BAT - Vinataba	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa Miliket	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh BĐS Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bía NaDa	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần DALATBECO	Đầu tư khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B09-DN/HH**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**Giao dịch với các bên liên quan:**

<b>Mua hàng và dịch vụ</b>	<b>1.816.722.985.638</b>	<b>1.577.868.016.201</b>
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	1.723.623.039.386	1.508.261.632.220
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	74.300.603.595	59.245.886.548
Công ty TNHH Bao bì C&A	18.766.059.010	10.319.241.434
Công ty CP TM H/K MIỀN NAM (SATCO)	33.283.647	41.255.999
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>662.141.535.382</b>	<b>548.947.073.965</b>
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	521.910.391.609	399.318.244.763
Công ty TNHH Bao bì C&A	29.449.682.085	16.388.594.277
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.187.421.688	1.536.934.925
Công ty Thực phẩm Miền Bắc	109.594.040.000	131.703.300.000

**Số dư với các bên liên quan:**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>4.191.288.824</b>	<b>13.932.492.634</b>
Công ty TNHH Bao bì C&A	3.438.656.866	9.387.965.501
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	568.666.500	4.469.237.700
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	183.965.458	75.289.433
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>340.000.000</b>	<b>505.192.072</b>
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	-	165.192.072
Công ty Thực phẩm Miền Bắc	340.000.000	340.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>111.840.471.677</b>	<b>105.678.457.416</b>
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	98.681.625.434	100.305.211.111
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	9.133.202.057	4.006.510.625
Công ty TNHH Bao bì C&A	4.025.644.186	1.366.735.680
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>102.499.999.999</b>	<b>102.499.999.999</b>
Công ty CP Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thăng Long	102.499.999.999	102.499.999.999

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**30. BỘ PHẬN KINH DOANH THEO LĨNH VỰC VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Tổng công ty không thực hiện áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28: "BÁO CÁO BỘ PHẬN" ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc chưa áp dụng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu và thông tin đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

**31. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Văn bản số 1871/TB-TTCTP ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Thanh tra Chính phủ về việc Thông báo Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản, thoái vốn và tái cơ cấu tại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam thời kỳ 2013 - 2017, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu hồi cơ sở nhà đất 30.927,7 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 152 Trần Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và xử lý các phát sinh trong quá trình thu hồi cơ sở nhà đất này. Ngày 25/10/2024 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 4856/QĐ – UBND về việc thu hồi đất tại số 152 đường Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2025, Trung tâm phát triển quy đất thành phố Hồ Chí Minh đã nhận bàn giao và quản lý khu đất nêu trên từ Ban cưỡng chế thu hồi đất Quận 5.

Ngày 20/12/2024, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có Quyết định số 756/QĐ - UBQLV về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

Theo các Thông báo của Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Công ty Cổ phần Hòa Việt - công ty con của Tổng công ty phải nộp bổ sung tiền thuê đất, thuê mặt lầy kể đến ngày 31/12/2025 là 71,8 tỷ đồng (Đơn vị này chưa ghi nhận và nộp khoản thuế nói trên do các bên chưa thống nhất đơn giá tính tiền thuê đất). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Hòa Việt đang tiếp tục kiến nghị, làm việc với các cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Nai để thỏa thuận, thống nhất đơn giá tiền thuê đất nhằm xác định chính xác số tiền phải nộp.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thu Hà

Đỗ Văn Đạt

Hà Quang Hòa

**TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hong Gia Hung hung\_hg@vinastha.com.vn 26/05/2026 16:01:44



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này bao gồm:

**Hội đồng thành viên**

Ông Hồ Lê Nghĩa	Chủ tịch
Ông Hà Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên (Nghỉ hưu từ 01/11/2025)
Ông Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hà Quang Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Châu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/05/2025)
Ông Nghiêm Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, *Xét*



**Hà Quang Hòa**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 23/2026/KT-AVI-TC2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Thuộc là Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Thuộc là Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") được lập ngày 30/03/2026 và được trình bày từ trang số 4 đến trang số 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

---

**Đoàn Thu Hằng**  
**Phó Tổng giám Đốc**  
Số Giấy CNDKHNKT 1396-2023-055-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

---

**Tạ Thị Thắm**  
**Kiểm toán viên**  
Số giấy CNDKHNKT 3676-2026-055-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

*Thông tin liên hệ: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, địa chỉ: 16/01/26*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.057.461.117.429</b>	<b>4.810.659.626.257</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.985.766.615.262	2.552.317.696.704
1. Tiền	111		85.766.615.262	93.217.696.704
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.900.000.000.000	2.459.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		705.873.128.711	629.196.079.049
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	705.873.128.711	629.196.079.049
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.061.993.013.756	1.413.294.685.861
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	306.201.225.008	262.559.063.143
2. Trả trước cho người bán	132	8	6.400.215.309	6.079.135.707
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	749.705.175.953	1.144.970.089.525
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(313.602.514)	(313.602.514)
IV. Hàng tồn kho	140		245.694.620.885	142.111.663.121
1. Hàng tồn kho	141	10	245.694.620.885	142.111.663.121
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.133.738.815	73.739.501.522
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.012.192.074	245.023.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.023.457.557	51.966.337.078
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	98.089.184	21.528.140.994
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.336.798.891.106</b>	<b>5.779.911.400.913</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.655.857.000	2.554.682.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.655.857.000	2.554.682.000
II. Tài sản cố định	220		113.891.416.753	116.927.571.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	103.611.939.961	103.156.277.488
- Nguyên giá	222		214.032.706.456	205.759.439.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.420.766.495)	(102.603.161.787)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	10.279.476.792	13.771.294.306
- Nguyên giá	228		53.426.011.882	53.518.729.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.146.535.090)	(39.747.435.576)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.107.063.021.841	5.543.451.116.424
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	5.974.017.153.360	5.395.898.651.980
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	180.726.804.086	195.126.804.086
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	24.457.700.000	24.457.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(72.138.635.605)	(72.032.039.642)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		113.188.595.512	116.978.030.695
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	113.188.595.512	116.978.030.695
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.394.260.008.535</b>	<b>10.590.571.027.170</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.604.262.902.364</b>	<b>803.063.712.428</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.604.059.146.942</b>	<b>802.344.319.567</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	254.761.421.654	207.739.782.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.983.104.280	12.628.141.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	862.407.820.340	220.237.448.118
4. Phải trả người lao động	314		82.112.407.871	90.702.262.286
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		18.820.411.964	5.088.246.450
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	164.323.277.922	123.345.018.467
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	174.132.444.598	115.567.269.367
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.518.258.313	27.036.150.968
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>203.755.422</b>	<b>719.392.861</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		203.755.422	719.392.861
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>21</b>	<b>9.789.997.106.171</b>	<b>9.787.507.314.742</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>		<b>9.789.997.106.171</b>	<b>9.787.507.314.742</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.163.624.443.631	7.163.624.443.631
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		270.223.063.684	270.223.063.684
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.246.235.322	1.979.246.235.322
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		340.230.143.390	337.740.351.961
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		293.685.915.760	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		46.544.227.630	337.740.351.961
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		36.673.220.144	36.673.220.144
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.394.260.008.535</b>	<b>10.590.571.027.170</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thu Hà

Đỗ Văn Đạt

Hà Quang Hòa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B02 - DN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	4.110.469.524.876	3.860.242.622.826
2. Các khoản giảm trừ	02		8.641.972.508	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.101.827.552.368	3.860.242.622.826
4. Giá vốn hàng bán	11	24	3.908.878.213.234	3.704.437.109.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		192.949.339.134	155.805.513.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.625.573.431.183	1.327.586.227.069
7. Chi phí tài chính	22	26	11.551.047.559	27.708.327.262
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.575.339.620	4.546.108.038
8. Chi phí bán hàng	24	27	134.224.877.684	122.181.833.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	349.226.571.230	357.000.644.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.323.520.273.844	976.500.935.074
11. Thu nhập khác	31	30	28.671.763.262	7.428.803.463
12. Chi phí khác	32	31	1.838.263.496	4.972.322.704
13. Lợi nhuận khác	40		26.833.499.766	2.456.480.759
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.350.353.773.610	978.957.415.833
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	44.619.208.624	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(515.637.439)	4.363.299
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.306.250.202.425	978.953.052.534

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thu Hà

Đỗ Văn Đạt

Hà Quang Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.350.353.773.610	978.957.415.833
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	14.893.938.307	14.646.970.174
- Các khoản dự phòng	03	106.595.963	11.947.713.135
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.012.438.734)	(3.535.578.979)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.641.594.757.434)	(1.289.402.486.397)
- Chi phí lãi vay	06	5.575.339.620	4.546.108.038
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(284.677.548.668)	(282.839.858.196)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(575.368.806.595)	202.819.264.244
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(103.582.957.764)	97.831.264.651
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	136.008.472.255	(164.360.147.599)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.022.266.559	4.690.838.975
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.575.339.620)	(4.546.108.038)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	221.432.000	25.411.849.376
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(84.028.952.788)	(41.987.687.219)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(913.981.434.621)</b>	<b>(162.980.583.806)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, Xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.376.141.590)	(392.764.160)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	354.963.265	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(705.873.128.711)	(644.196.079.049)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	629.196.079.049	518.229.281.292
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(56.307.615.993)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	381.489.512.498	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.695.281.631.315	1.001.695.228.609
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.927.765.299.833</b>	<b>875.335.666.692</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp Theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	692.089.766.567	488.463.583.837
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(633.524.591.336)	(494.751.681.370)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(640.000.000.000)	(571.822.325.945)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(581.434.824.769)</b>	<b>(578.110.423.478)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>432.349.040.443</b>	<b>134.244.659.408</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.552.317.696.704</b>	<b>2.414.476.072.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.099.878.115	3.596.964.304
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.985.766.615.262</b>	<b>2.552.317.696.704</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thu Hà

Đỗ Văn Đạt

Hà Quang Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Tổng công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0101216069 và thay đổi lần 9 ngày 12 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng công ty là 7.163.624.443.631 đồng, đây là mức vốn điều lệ được phê duyệt theo Quyết định số 12518/QĐ - BCT ngày 16/11/2015.

Ngày 28/02/2025 Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thống nhất ký Biên bản chuyển giao quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại 18 tập đoàn, tổng công ty (trong đó có Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam) từ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về Bộ Tài chính.

Trụ sở chính của Tổng công ty tại số 30, phố Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội. Văn phòng đại diện của Tổng công ty tại số 126, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 là 363 người (tại 31/12/2024 là 371 người)

**1.2. Ngành nghề kinh doanh**

- Đầu tư, sản xuất kinh doanh ngành thuốc lá tại Việt Nam và nước ngoài;
- Trồng cây nguyên liệu thuốc lá;
- Đào tạo ngắn hạn (dưới một năm), đào tạo dài hạn (1-3 năm) các ngành nghề thuộc lĩnh vực trồng, chế biến nguyên liệu thuốc lá và sản xuất thuốc lá điếu, công nghiệp thực phẩm;
- Trồng trọt, chăn nuôi;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm và đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Sản xuất, bán buôn rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc;
- Kinh doanh lưu hành trong và ngoài nước;
- Vận chuyển hàng hóa và hành khách;
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng về: chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, kinh doanh, kỹ thuật, công nghệ, chính sách và pháp luật của nhà nước, tin học, ngoại ngữ.

**1.3. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ - Tổng công ty là đầu tư vốn tại các đơn vị là công ty con, công ty liên doanh và liên kết, khác; thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm thuốc lá.

**1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**1.5. Cấu trúc của Tổng công ty**

***Cấu trúc của công ty mẹ - Tổng công ty tại ngày 31/12/2025:***

- Cơ quan Văn phòng Tổng công ty (gồm Văn phòng Hà Nội và Hồ Chí Minh);
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:
  1. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá;
  2. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam;
  3. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá;
  4. Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo VINATABA

***Các công ty con, liên doanh, liên kết:***

Tại ngày 31/12/2025, Tổng công ty có 10 công ty con; 01 công ty liên doanh và 04 công ty liên kết. Chi tiết các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 13.

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày theo chính sách kế toán áp dụng nhất quán và đảm bảo khả năng so sánh.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

***Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp***

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu sổ kế toán và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, được lập trên cơ sở hợp cộng các Báo cáo tài chính của Cơ quan Văn phòng Tổng công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty sau khi bù trừ số dư các khoản nợ phải thu và phải trả nội bộ, doanh thu, chi phí và các giao dịch nội bộ.

**4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về phí dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác cho đơn vị khác (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng xuất kho và tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

**4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất;
- Giá mua và các chi phí khác bỏ ra để có quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa;
- Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng, là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa và phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 10 năm. Tổng công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian trích khấu hao được căn cứ vào thời hạn sử dụng đất.

**4.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**Đầu tư vào công ty con**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Tổng công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Tổng công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Tổng công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty liên doanh).

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Tổng công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Tổng công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư.

Phần sở hữu của Tổng công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư được xác định căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của bên nhận đầu tư tại ngày trích lập dự phòng.

**4.10. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định, giá trị chi phí sửa chữa vẫn phòng chờ phân bổ và giá trị còn lại của các công cụ, dụng cụ phân loại từ tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận. Cụ thể:

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản là tiền thuê từ tầng 4 đến tầng 7 của Tòa nhà Phủ Diên tại số 83A Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội với thời gian 45 năm (đến hết tháng 04 năm 2057);
- Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ tối đa không quá 3 năm.

**4.11. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhân ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Mượn tài sản; Phải trả về tiền phạt, bồi thường; Tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; Phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; Các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Tổng công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**4.13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam là 7.163.624.443.631 đồng.

Tổng công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo các quy định hiện hành đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**4.15. Quỹ tiền lương**

Năm 2025, Tổng công ty thực hiện trích quỹ tiền lương theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn Nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp Nhà nước và các quy định của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

**4.16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phân công việc đã hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền cho vay, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Lãi tiền gửi, tiền cho vay được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.
- (b) Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- (c) Khoản phí thu được từ việc chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa.
- (d) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.17. Thuế**

Tổng công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các kỳ trước. Thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các kỳ trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong kỳ lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong kỳ lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong kỳ. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong kỳ hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong kỳ lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế

TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM  
Số 30 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp mà Tổng công ty kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian; các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng công ty; những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo của Tổng công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tổng công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.815.408.526	2.683.434.654
Tiền gửi ngân hàng (1)	82.951.206.736	90.534.262.050
Các khoản tương đương tiền (2)	2.900.000.000.000	2.459.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.985.766.615.262</u></b>	<b><u>2.552.317.696.704</u></b>

- (1) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2025 bao gồm khoản tiền gửi 2.090.822.301 đồng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội, đây là khoản lãi phát sinh từ tiền đặt cọc cho dự án 235 Nguyễn Trãi từ năm 2008 của các cổ đông chưa quyết toán.
- (2) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm - 4,75%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
<b>Phải thu lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ từ các Công ty nộp về</b>	<b>400.975.591.422</b>	<b>507.874.680.350</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	82.000.000.000	331.042.297.507
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	278.442.504.469	147.810.260.106
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	25.159.709.239	15.189.119.098
Công ty Vinataba - Phillip Morris	14.912.436.071	13.693.907.025
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	460.941.643	139.096.614
<b>Phải thu về Chênh lệch Vốn chủ sở hữu vượt quá Vốn điều lệ</b>	<b>150.760.413.621</b>	<b>481.715.878.113</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	141.938.580.070	273.138.425.743
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	199.578.086.500
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	8.821.833.551	8.863.697.149
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	-	135.668.721
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>197.969.170.910</b>	<b>155.379.531.062</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lợi	-	59.715.634.100
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	42.447.864.043	35.634.304.459
Oriental General Trading Inc	4.705.746.830	24.011.572.164
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	49.658.528.047	4.660.610.724
Ray Tobacco Inc, LLC	4.023.899.154	2.671.263.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	11.370.142.490	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	29.024.793.525	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	26.101.411.680	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	320.000.000
Lãi các khoản tiền gửi	20.327.198.463	17.651.538.271
Số dư các khoản tạm ứng	1.673.836.665	4.016.317.108
Số dư khoản ký cược ký quỹ ngắn hạn	88.847.401	52.000.000
Các khoản bảo hiểm	159.230.000	436.974.924
Các đối tượng khác	8.047.672.612	5.869.316.312
<b>Cộng</b>	<b><u>749.705.175.953</u></b>	<b><u>1.144.970.089.525</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu các bên liên quan (1)	710.678.744.828	1.090.261.107.746

(1) Chi tiết tại Thuyết minh số 33.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Hàng mua đang đi đường	88.599.565.233	-	95.058.925.995	-
Công cụ, dụng cụ	465.476.730	-	263.655.770	-
Thành phẩm	-	-	2.585.717.000	-
Hàng hóa	154.348.396.172	-	39.903.213.351	-
Hàng gửi đi bán	2.281.182.750	-	4.300.151.005	-
<b>Cộng</b>	<b>245.694.620.885</b>	<b>-</b>	<b>142.111.663.121</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>1.012.192.074</b>	<b>245.023.450</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.012.192.074	245.023.450
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>113.188.595.512</b>	<b>116.978.030.695</b>
Tiền thuê văn phòng 83A Lý Thường Kiệt (1)	113.099.228.512	116.708.797.300
Khác	89.367.000	269.233.395
<b>Cộng</b>	<b>114.200.787.586</b>	<b>117.223.054.145</b>

- (1) Khoản tiền thuê hoạt động dài hạn văn phòng còn lại chưa phân phối theo Hợp đồng số 01/2012/HDTVP ngày 22/03/2012 giữa Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba. Theo đó Tổng công ty được quyền sử dụng, khai thác diện tích thuê là 2.943,9m<sup>2</sup> mặt bằng từ tầng 04 đến tầng 07 tại tòa nhà 83A Lý Thường Kiệt từ khi nhận bàn giao đến hết tháng 04 năm 2057 với đơn giá thuê là 56.050.832,16 VND/m<sup>2</sup> cho toàn bộ thời gian thuê. Tổng số tiền thuê 164.980.019.377 đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí như thủ tục liên quan đến việc xin phép, thiết kế, xây dựng, bảo hành tòa nhà, tiền thuê đất và đã bao gồm thuế GTGT và được thanh toán toàn bộ giá trị tính tới thời điểm ký hợp đồng. Đơn giá thuê cố định và không điều chỉnh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Đơn giá thuê trên chưa bao gồm các chi phí dịch vụ của tòa nhà, chi phí liên quan đến việc sử dụng thường xuyên như chi phí điện, nước, điện thoại, internet... và các khoản phí, lệ phí... theo quy định của pháp luật liên quan đến ký hợp đồng dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Chi tiết địa điểm, hoạt động của các công ty con và tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:

Công ty con	Nơi đăng ký hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b><i>Đầu tư trực tiếp</i></b>				
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	TP. Hà Nội	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Viên Thuốc lá	TP. Hà Nội	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thương mại, nghiên cứu khoa học và phân tích giám định
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	TP. Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc
Công ty Cổ phần Hòa Việt	Tỉnh Đồng Nai	76,08%	76,08%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	Tỉnh Bắc Ninh	57,70%	57,70%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá
Công ty Cổ phần Cát Lợi	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị ngành
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	TP. Hải Phòng	51%	51%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá và thuốc lá điếu
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	TP. Cần Thơ	51%	51%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki (Đã chuyển nhượng toàn bộ vốn trong năm 2025)	TP. Hà Nội	0%	0%	Sản xuất kinh doanh bánh kẹo
<b><i>Đầu tư gián tiếp</i></b>				
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Tỉnh Tây Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Tỉnh Vĩnh Long	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Tỉnh Vĩnh Long	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	Sản xuất kinh doanh thuốc lá

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

Chi tiết vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con như sau:

Tên công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	2.692.457.671.030	-	2.692.457.671.030	2.692.457.671.030	-	2.692.457.671.030
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	2.688.827.875.000	-	2.688.827.875.000	2.101.899.875.000	-	2.101.899.875.000
Công ty Cổ phần Cát Lợi	133.660.800.000	-	133.660.800.000	133.660.800.000	-	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du (1)	98.051.240.096	-	98.051.240.096	98.051.240.096	-	98.051.240.096
Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT (3)	91.786.621.380	-	91.786.621.380	70.967.280.000	-	70.967.280.000
Công ty Cổ phần Hòa Việt	88.720.810.000	-	88.720.810.000	88.720.810.000	-	88.720.810.000
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	74.004.339.000	-	74.004.339.000	74.004.339.000	-	74.004.339.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	61.589.036.854	-	61.589.036.854	61.589.036.854	-	61.589.036.854
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	25.500.000.000	-	25.500.000.000	25.500.000.000	-	25.500.000.000
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	19.418.760.000	-	19.418.760.000	19.418.760.000	-	19.418.760.000
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki (4)	-	-	-	29.628.840.000	-	29.628.840.000
<b>Cộng</b>	<b>5.974.017.153.360</b>	<b>-</b>	<b>5.974.017.153.360</b>	<b>5.395.898.651.980</b>	<b>-</b>	<b>5.395.898.651.980</b>

- (1) Công ty TNHH MTV Nguyễn Du đã chấm dứt toàn bộ hoạt động cho thuê văn phòng và giải quyết chế độ đối với toàn bộ lao động và đã thực hiện bàn giao mặt bằng cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam xây dựng trụ sở làm việc. Tổng công ty và Công ty TNHH MTV Nguyễn Du đang tiếp tục phối hợp để thống nhất số liệu quyết toán (Xem thêm chi tiết tại Thuyết minh số 19). Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tiếp theo sẽ tùy thuộc vào quyết định của cấp có thẩm quyền.
- (2) Theo Quyết định số 39/QĐ-TLVN ngày 12/02/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đã phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long đến hết năm 2025 là 2.688.827.875.000 đồng. Trong năm, Tổng công ty đã đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long với số tiền 586.928.000.000 đồng, trong đó, 530.620.384.007 đồng được Tổng công ty góp vốn thông qua hình thức bù trừ công nợ theo Biên bản bù trừ công nợ ngày 02/04/2025 và 56.307.615.993 đồng được Tổng công ty góp vốn bằng tiền.
- (3) Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 1-2024 ngày 08/04/2024 của Hợp đồng Liên doanh giữa Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và British-American Tobacco Marketing (Singapore) Private Limited thống nhất, VINATABA sẽ góp bổ sung vốn vào công ty liên doanh bằng giá trị máy móc thiết bị và được thực hiện qua hai giai đoạn với số tiền lần lượt là 20.819.341.380 đồng và 7.412.422.620 đồng. Trong năm 2025, VINATABA đã hoàn thành việc góp vốn bằng giá trị máy móc thiết bị với số tiền 20.819.341.380 đồng và các bên đã ký Phụ lục sửa đổi bổ sung số 01-2025 ngày 09/06/2025 đồng ý tăng vốn của hai bên trong Liên doanh tương ứng với số vốn đã góp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

- (4) Thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025, trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki theo Quyết định phê duyệt số 2101/UBQLV-CN ngày 17/09/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Ngày 19/12/2025, Tổng công ty nhận được văn bản số 5563/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thông báo kết quả đấu giá bán phần vốn góp của Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki, với giá đấu thành công là 177.067.736.498 đồng. Tổng công ty nhận được văn bản số 2948/SGDHN-BĐG của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo kết quả nhà đầu tư trúng đấu giá và đã nhận được tiền mua phần vốn góp của nhà đầu tư trúng đấu giá vào ngày 30/12/2025. Theo đó, Tổng công ty không còn kiểm soát đơn vị này kể từ ngày 30/12/2025. Các thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển quyền sở hữu vốn góp tại Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki đã được các bên hoàn thành vào tháng 1/2026.

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

*Chi tiết địa điểm, hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết và tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:*

<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Nơi đăng ký hoạt động kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Công ty liên doanh</b>				
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp VINA TOYO	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất kinh doanh thùng carton và giấy nhôm
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT-VINATABA	Tỉnh Đồng Nai	30,00%	33,33%	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, cung cấp bao bì đóng gói và vật liệu phụ để sản xuất thuốc lá điếu
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	TP. Hà Nội	30,00%	30,00%	Bán buôn thực phẩm
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	25,46%	25,46%	Sản xuất nước tinh khiết
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	TP. Hà Nội	20,00%	20,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket (Đã chuyển nhượng toàn bộ vốn trong năm 2025)	TP. Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	Sản xuất thực phẩm, mỹ an liên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

Chi tiết vốn góp của Tổng công ty vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh Thuốc lá BAT-VINATABA	88.407.155.329	-	88.407.155.329	88.407.155.329	-	88.407.155.329
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc(1)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	59.280.639.190	719.360.810
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	17.219.648.757	-	17.219.648.757	17.219.648.757	-	17.219.648.757
Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Bất động sản Thăng Long	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	5.100.000.000	2.085.914.758	3.014.085.242	5.100.000.000	2.103.811.400	2.996.188.600
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (2)	-	-	-	14.400.000.000	-	14.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>180.726.804.086</b>	<b>72.085.914.758</b>	<b>108.640.889.328</b>	<b>195.126.804.086</b>	<b>71.384.450.590</b>	<b>123.742.353.496</b>

- (1) Trong năm 2018, Tổng công ty cùng với các Bên liên quan đã thực hiện việc chuyển đổi (tại cơ cấu) Công ty Thực phẩm Miền Bắc thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc với số vốn điều lệ là 200 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần thứ 20) số 01001007099 ngày 25/07/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Giá trị vốn góp của Tổng công ty vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc được chuyển đổi từ khoản cho vay với số tiền 60 tỷ đồng. Giá trị dự phòng tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm miền Bắc được Tổng công ty trích lập căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của đơn vị này (chưa được kiểm toán). Hiện tại, Công ty Thực phẩm Miền Bắc đang hoàn tất các xử lý tài chính, chưa xác định được giá trị chính thức bán giao vốn và tài sản sang Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc cũng như chưa hoàn tất các thủ tục có liên quan đến quá trình tái cơ cấu. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư như trên là hợp lý và phù hợp với quy định hiện hành.
- (2) Thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025, trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket theo Quyết định phê duyệt số 2240/UBQLV-CN ngày 02/10/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Ngày 18/12/2025, Tổng công ty nhận được văn bản số 5649/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thông báo kết quả đấu giá bán phần vốn góp của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket, với giá đầu thành công là 206.109.000.000 đồng. Tổng công ty nhận được văn bản số 2944/SGDHN-BĐG của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo kết quả nhà đầu tư trúng đấu giá và đã nhận được tiền mua phần vốn góp của nhà đầu tư trúng đấu giá vào ngày 30/12/2025. Theo đó, Tổng công ty không còn kiểm soát đơn vị này kể từ ngày 30/12/2025. Các thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket đã được các bên hoàn thành trong tháng 1/2026.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**14. ĐẦU TƯ GOP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Chi tiết địa điểm và hoạt động của các đơn vị như sau:

Công ty khác	Nơi đăng ký hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA	TP. Hà Nội	15,52%	15,52%	Lập dự án đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần DALATBECO	Tỉnh Lâm Đồng	13,96%	13,96%	Sản xuất rượu, bia
Công ty Cổ phần Bia NaDa	Tỉnh Ninh Bình	12,85%	12,85%	Sản xuất bia, rượu và đồ uống các loại

Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA	16.250.000.000	-	16.250.000.000	16.250.000.000	-	16.250.000.000
Công ty Cổ phần DALATBECO	5.854.200.000	-	5.854.200.000	5.854.200.000	-	5.854.200.000
Công ty Cổ phần Bia NaDa	2.353.500.000	52.720.847	2.300.779.153	2.353.500.000	647.589.052	1.705.910.948
<b>Cộng</b>	<b>24.457.700.000</b>	<b>52.720.847</b>	<b>24.404.979.153</b>	<b>24.457.700.000</b>	<b>647.589.052</b>	<b>23.810.110.948</b>

Thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2021-2025 được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 756/QĐ-UBQLV 20/12/2023 và các phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Ủy ban quản lý vốn nhà nước, Tổng công ty đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính, trong đó bao gồm vốn đầu tư tại: Công ty Cổ phần Dalatbeco ("Dalatbeco"), Công ty Cổ phần Bia NaDa ("Bia Nada") và Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA ("BĐS Lilama").

Tổng công ty đã thực hiện đăng ký đầu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chuyển nhượng vốn đầu tư tại 03 doanh nghiệp nêu trên. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã phê duyệt hồ sơ đầu giá và có kế hoạch thực hiện phiên đầu giá vào ngày 18 và 19/12/2025. Tuy nhiên, các phiên đầu giá không đủ điều kiện thực hiện do không có nhà đầu tư tham gia đầu giá đối với phần vốn đầu tư tại BĐS Lilama, Bia NaDa và các phiếu tham dự đầu giá đều không hợp lệ đối với phần vốn đầu tư tại Dalatbeco. Theo phương án chuyển nhượng vốn đã được phê duyệt, sau khi thực hiện phương thức đầu giá công khai không thành công, Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn các đơn vị này theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIA</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>92.541.858.323</b>	<b>30.104.190.217</b>	<b>45.303.346.047</b>	<b>37.810.044.688</b>	<b>205.759.439.275</b>
Mua sắm trong năm	-	41.189.157	-	471.228.018	512.417.175
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	11.365.886.091	-	11.365.886.091
Tặng khác	-	69.090.909	-	-	69.090.909
Phân loại lại	13.474.877.164	(3.507.518.926)	2.472.181.975	(12.439.540.213)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(218.211.909)	(3.297.325.186)	(103.390.808)	(3.618.927.903)
Giảm khác	-	(55.199.091)	-	-	(55.199.091)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>106.016.735.487</b>	<b>26.433.540.357</b>	<b>55.844.088.927</b>	<b>25.738.341.685</b>	<b>214.032.706.456</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>24.849.916.168</b>	<b>8.301.350.342</b>	<b>39.609.714.546</b>	<b>29.842.180.731</b>	<b>102.603.161.787</b>
Khấu hao trong năm	4.028.745.880	4.306.578.954	2.302.958.762	763.837.197	11.402.120.793
Tặng khác	-	69.090.909	-	-	69.090.909
Phân loại lại	31.690.997	6.021.337.006	607.949.730	(6.660.977.733)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(218.211.909)	(3.297.325.186)	(103.390.808)	(3.618.927.903)
Giảm khác	-	(34.679.091)	-	-	(34.679.091)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>28.910.353.045</b>	<b>18.445.466.211</b>	<b>39.223.297.852</b>	<b>23.841.649.387</b>	<b>110.420.766.495</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>67.691.942.155</b>	<b>21.802.839.875</b>	<b>5.693.631.501</b>	<b>7.967.863.957</b>	<b>103.156.277.488</b>
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>77.106.382.442</b>	<b>7.988.074.146</b>	<b>16.620.791.075</b>	<b>1.896.692.298</b>	<b>103.611.939.961</b>
<i>Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025</i>	<i>9.910.710.404</i>	<i>6.606.795.269</i>	<i>34.607.295.859</i>	<i>22.292.594.097</i>	<i>73.417.395.629</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Nhãn hiệu	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2025	12.273.956.144	10.926.773.738	30.318.000.000	53.518.729.882
Thanh lý	-	(92.718.000)	-	(92.718.000)
Tại ngày 31/12/2025	<u>12.273.956.144</u>	<u>11.019.491.738</u>	<u>30.318.000.000</u>	<u>53.611.447.882</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2025	4.120.759.751	8.919.898.032	26.706.777.793	39.747.435.576
Khấu hao trong năm	627.999.996	353.817.554	2.509.999.964	3.491.817.514
Thanh lý	-	(92.718.000)	-	(92.718.000)
Tại ngày 31/12/2025	<u>4.748.759.747</u>	<u>9.366.433.586</u>	<u>29.216.777.757</u>	<u>43.331.971.090</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2025	<u>8.153.196.393</u>	<u>2.006.875.706</u>	<u>3.611.222.207</u>	<u>13.771.294.306</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>7.525.196.397</u>	<u>1.653.058.152</u>	<u>1.101.222.243</u>	<u>10.279.476.792</u>
<i>Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025</i>	-	100.000.000	-	100.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	144.691.038.474	144.691.038.474	153.841.521.634	153.841.521.634
Benline Investment Holding Pte. Ltd	25.482.521.113	25.482.521.113	-	-
Cerdia International GmbH	17.946.356.883	17.946.356.883	-	-
Japan Tobacco Inc.	10.848.697.615	10.848.697.615	6.757.131.609	6.757.131.609
TOP PACIFIC	7.644.054.600	7.644.054.600	-	-
Dr. Franz Feurstein GmbH	6.235.665.236	6.235.665.236	-	-
Asia Regal Enterprises Limited	-	-	9.787.293.941	9.787.293.941
Công ty TNHH NP Trading	-	-	827.064.407	827.064.407
Các đối tượng khác	41.913.087.733	41.913.087.733	36.526.770.844	36.526.770.844
<b>Cộng</b>	<b>254.761.421.654</b>	<b>254.761.421.654</b>	<b>207.739.782.435</b>	<b>207.739.782.435</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025		Phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	23.938.710	233.957.955	205.328.187.293	205.552.678.577	23.938.710	9.466.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.257.563.941	-	44.619.208.624	-	-	23.361.644.683
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	690.793.202	49.983.850.596	49.740.027.588	-	934.616.210
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.445.635	43.491.594.072	43.507.039.707	-	-
Thuế nhà đất	-	-	187.819.560	187.819.560	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	246.638.343	9.882.633.307	31.646.215.461	32.381.362.877	74.150.474	8.974.998.022
Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách nhà nước	-	209.396.196.864	1.259.705.974.795	640.000.000.000	-	829.102.171.659
Các khoản khác	-	18.421.155	3.204.053.593	3.197.551.653	-	24.923.095
<b>Cộng</b>	<b>21.528.140.994</b>	<b>220.237.448.118</b>	<b>1.638.166.903.994</b>	<b>974.566.479.962</b>	<b>98.089.184</b>	<b>862.407.820.340</b>

Chi tiết lợi nhuận tạm tính phải nộp về ngân sách Nhà nước (Theo lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính Công ty mẹ):

STT	Nội dung	Số thực hiện năm 2025
I.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.306.250.202.425
II.	Tạm tính số trích các Quỹ ( [II]= [I] + [2] )	46.544.227.630
1.	Quỹ đầu tư phát triển	-
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	46.544.227.630
III.	Phần lợi nhuận phải chuyển về NSNN ( [III] = [I] - [II] )	1.259.705.974.795

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.100.750.457	2.609.011.074
Tiền đất cọc để thực hiện dự án 235 Nguyễn Trãi	2.990.935.846	2.988.732.610
Ghi nhận giá trị bàn giao tài sản 30 Nguyễn Du (1)	20.768.367.526	20.768.367.526
Japan Tobacco Inc.	48.814.756.360	30.062.132.162
Oriental General Trading Inc	26.103.064.526	-
OTS Trading Inc. Limited	14.189.684.688	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	14.057.792.378	31.112.357.161
THTG Pte. Ltd.	8.389.760.685	-
TTS Tabacos E Servicios LTDA	6.244.749.475	-
Optorun Tech Limited	4.191.768.504	-
Hail & Cotton Africa Limited	3.817.162.800	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	18.986.831.834
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.654.484.677	16.817.586.100
<b>Cộng</b>	<b><u>164.323.277.922</u></b>	<b><u>123.345.018.467</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả khác các bên liên quan (2)	34.826.159.904	70.867.556.521

- (1) Tổng công ty đã thực hiện nhận bàn giao mặt bằng và tòa nhà số 30 phố Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội của Công ty TNHH MTV Nguyễn Du để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc theo Nghị quyết số 315/NQ - TLVN ngày 20/07/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty, Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/12/2017. Số liệu nguyên giá và giá trị còn lại của những tài sản bàn giao được tạm ghi nhận theo số dư tại ngày 30/06/2017. Theo số liệu bàn giao tại ngày 30/06/2017: Tòa nhà có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 34.699.963.942 đồng và 16.697.402.333 đồng; Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.191.724.944 đồng và 4.120.759.751 đồng.
- (2) Chi tiết xem tại thuyết minh số 33.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2025		Phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng tra nợ	Tang VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng tra nợ
		VND				VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (1)	90.567.269.367	90.567.269.367	532.197.158.890	502.852.047.169	119.912.381.088	119.912.381.088
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (2)	25.000.000.000	25.000.000.000	159.892.607.677	130.672.544.167	54.220.063.510	54.220.063.510
<b>Cộng</b>	<b>115.567.269.367</b>	<b>115.567.269.367</b>	<b>692.089.766.567</b>	<b>633.524.591.336</b>	<b>174.132.444.598</b>	<b>174.132.444.598</b>

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 53/96905/24-DN3/N-CTD ngày 08/07/2025. Hạn mức tín dụng 120 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất và thời hạn cho vay theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu thuốc lá. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 2000LAV50001688 ngày 09/01/2025 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá (đơn vị phụ thuộc) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Hạn mức cấp tín dụng là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 12/12/2025. Lãi suất cho vay và thời hạn vay (không quá 4 tháng) được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ. Mục đích của từng lần cấp vốn vay là bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 25 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>270.223.063.684</b>	<b>1.697.043.104.802</b>	<b>305.092.800.814</b>	<b>36.673.220.144</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	978.953.052.534	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2023	-	-	282.203.130.520	(305.092.800.814)	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	282.203.130.520	(282.203.130.520)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(22.889.670.294)	-
- Tam phân phối lợi nhuận năm 2024 phải nộp về NSNN	-	-	-	(641.212.700.573)	-
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>270.223.063.684</b>	<b>1.979.246.235.322</b>	<b>337.740.351.961</b>	<b>36.673.220.144</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>270.223.063.684</b>	<b>1.979.246.235.322</b>	<b>337.740.351.961</b>	<b>36.673.220.144</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	1.306.250.202.425	-
- Tam phân phối lợi nhuận năm 2024 (1)	-	-	-	(44.054.436.201)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(44.054.436.201)	-
- Tam phân phối lợi nhuận năm 2025 phải nộp về NSNN	-	-	-	(1.259.705.974.795)	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>7.163.624.443.631</b>	<b>270.223.063.684</b>	<b>1.979.246.235.322</b>	<b>340.230.143.390</b>	<b>36.673.220.144</b>

(1) Tam trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty theo Nghị quyết số 51/NQ-TLVN ngày 26/02/2026.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục	ĐVT	31/12/2025	01/01/2025
<b>1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công</b>			
- Thuốc lá bao các loại	Bao	19.831.500	13.350.000
- Áo thun thể thao, Túi vải	Cái	24.522	9.080
<b>2. Hàng hóa gửi tại các Công ty sản xuất</b>			
<b>Thuốc lá điều</b>			
- Thuốc lá bao các loại	Bao	13.400.500	8.413.500
<b>3. Ngoại tệ các loại</b>			
- Đồng Đô-la Mỹ	USD	323.779,17	166.299,23
- Đồng Euro	EUR	1.230,18	1.429,13
<b>4. Tài sản cầm cố thế chấp</b>	VND	<b>17.400.000.000</b>	<b>16.900.000.000</b>

**23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hoá	4.015.476.542.679	3.772.349.297.275
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.992.982.197	87.893.325.551
<b>Cộng</b>	<b>4.110.469.524.876</b>	<b>3.860.242.622.826</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Giảm giá hàng bán	10.999.788	-
- Hàng bán bị trả lại	8.630.972.720	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.101.827.552.368</b>	<b>3.860.242.622.826</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu với các bên liên quan (1)	2.029.525.737.589	1.779.368.287.822

(1) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hoá	3.845.416.143.520	3.647.020.021.228
Giá vốn cung cấp dịch vụ	63.462.069.714	57.417.088.059
<b>Cộng</b>	<b>3.908.878.213.234</b>	<b>3.704.437.109.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	129.682.177.715	90.403.913.814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.130.423.067.221	998.851.449.823
Chênh lệch vốn chủ sở hữu vượt quá vốn điều lệ tại các đơn vị thành viên	-	200.147.122.760
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.012.438.734	3.535.578.979
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn (1)	339.147.896.498	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.139.967.015	21.139.075.693
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.167.884.000	13.509.086.000
<b>Cộng</b>	<b>1.625.573.431.183</b>	<b>1.327.586.227.069</b>
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (2)</i>	<i>1.141.590.951.221</i>	<i>1.012.360.535.823</i>

(1) Là khoản lãi chuyển nhượng công ty con, công ty liên kết trong năm 2025 (chi tiết tại Thuyết minh số 12 và 13).

(2) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	5.575.339.620	4.546.108.038
Trích lập Dự phòng đầu tư tài chính	106.595.963	11.947.713.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.441.887.976	11.214.506.089
Chi phí tài chính khác	1.427.224.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.551.047.559</b>	<b>27.708.327.262</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	21.208.792.634	22.366.665.288
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.186.730.390	183.449.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.163.284	278.902.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.668.320.123	62.661.347.500
Chi phí bằng tiền khác	51.049.871.253	36.691.468.864
<b>Cộng</b>	<b>134.224.877.684</b>	<b>122.181.833.810</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	190.314.977.441	178.419.322.149
Chi phí nguyên vật liệu	2.338.239.285	3.517.538.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.782.775.023	14.368.067.969
Phí và lệ phí khác	6.007.666.386	6.851.227.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.176.951.912	109.149.605.825
Chi phí bằng tiền khác	42.605.961.183	44.694.882.045
<b>Cộng</b>	<b>349.226.571.230</b>	<b>357.000.644.462</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	211.523.770.075	200.785.987.437
Chi phí nguyên vật liệu	10.006.211.675	12.581.025.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.893.938.307	14.646.970.174
Phí và lệ phí khác	6.007.666.386	6.851.227.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.538.522.035	174.989.353.325
Chi phí bằng tiền khác	93.655.832.436	81.386.350.909
<b>Cộng</b>	<b>492.625.940.914</b>	<b>491.240.915.272</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi do đánh giá lại tài sản (1)	20.819.317.690	-
Hỗ trợ đầu tư thị trường	5.725.473.136	-
Thu lao kiểm soát viên, người đại diện phần vốn	1.351.014.369	2.803.319.311
Thanh lý tài sản cố định	354.963.265	-
Bảo hiểm Viễn Đông trả tiền lãi bản án 07/2021/KDTM-PT	304.610.900	2.514.102.291
Thu nhập khác	116.383.902	2.111.381.861
<b>Cộng</b>	<b>28.671.763.262</b>	<b>7.428.803.463</b>

- (1) Theo Hợp đồng mua bán ngày 08/04/2024 và Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng mua bán ngày 09/06/2025 giữa Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ("VINATABA") và British-American Tobacco Marketing (Singapore) Private Limited ("BATMS"), BATMS đồng ý bán 51% giá trị Máy móc thiết bị cho VINATABA với giá 01 Đô la Mỹ để góp vốn vào Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh và Phụ lục sửa đổi bổ sung số 1-2024 của Hợp đồng Liên doanh. Tại ngày 03/02/2025, Công ty TNHH Đình giá Bến Thành - Hà Nội cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 258/2025/208-ĐS và 258/2025/209-ĐS xác định giá trị Máy móc thiết bị được định giá là 40.822.238.000 đồng (Trong đó, phần giá trị thuộc sở hữu của VINATABA là 20.819.341.380 đồng, phần giá trị thuộc sở hữu của BATMS là 20.002.896.620 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi thù lao kiểm soát viên, người đại diện phần vốn	1.793.680.525	4.480.632.631
Chi phí khác	44.582.971	491.690.073
<b>Cộng</b>	<b>1.838.263.496</b>	<b>4.972.322.704</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kê toán trước thuế	1.350.353.773.610	978.957.415.833
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ thu nhập không chịu thuế</i>	<i>1.131.522.948.078</i>	<i>1.202.595.536.887</i>
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.130.423.067.221	998.851.449.823
Chênh lệch vốn chủ sở hữu vượt quá vốn điều lệ tại các đơn vị thành viên	-	200.147.122.760
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.099.880.857	3.596.964.304
<b>Các khoản chi phí không được trừ</b>	<b>4.265.217.588</b>	<b>3.575.147.810</b>
Chi phí không được trừ	667.102.948	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	3.596.964.304	3.575.147.810
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ	1.150.336	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>223.096.043.120</b>	<b>(158.799.117.093)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</b>	<b>44.619.208.624</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan của Tổng công ty:

<u>Các đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Công ty con
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	Công ty con
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Hoà Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Cát Lợi	Công ty con
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	Công ty con
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	Không còn là Công ty con kể từ ngày 30/12/2025
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Thuốc lá BAT - Vinataba	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp VINA TOYO	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa Miliket	Không còn là Công ty liên kết kể từ ngày 30/12/2025
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư kinh doanh BĐS Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia NaDa	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần DALATBECO	Đầu tư khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**Sổ dự các bên liên quan:**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>710.678.744.828</b>	<b>1.090.261.107.746</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	420.381.084.539	421.268.685.849
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	108.101.411.680	530.620.384.007
Công ty Vinataba - Phillip Morris	64.570.964.118	18.354.517.749
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	42.447.864.043	35.634.304.459
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	33.981.542.790	24.052.816.247
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	29.024.793.525	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	11.370.142.490	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	460.941.643	274.765.335
Công ty Thực phẩm Miền Bắc	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lợi	-	59.715.634.100
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>144.691.038.474</b>	<b>153.841.521.634</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	71.897.110.000	86.246.030.000
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT - Vinataba	21.408.099.462	32.711.210.128
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	18.117.000.000	9.474.500.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	12.012.000.000	4.244.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	6.308.775.600	3.867.276.600
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	5.308.210.000	8.121.388.980
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	3.036.000.000	726.000.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	2.931.769.162	3.483.033.446
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	1.560.100.200	147.900.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.128.694.050	-
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	983.280.000	720.000.000
(Không còn là Bên liên quan kể từ ngày 30/12/2025)		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	-	4.100.182.480
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>34.826.159.904</b>	<b>70.867.556.521</b>
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	20.768.367.526	20.768.367.526
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	14.057.792.378	31.112.357.161
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	18.986.831.834
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>123.294.739.519</b>	<b>52.180.114.005</b>
Công ty Cổ phần Cát Lợi	67.767.455.787	4.169.143.943
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	33.700.487.685	30.921.830.055
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	12.888.172.050	6.049.348.050
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	6.187.217.980	5.371.951.247
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	972.934.400	344.314.714
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	794.259.390	2.342.240.818
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	756.237.727	648.007.600
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	227.974.500	20.830.500
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	-	2.312.447.078

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng*

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.029.525.737.589</b>	<b>1.779.368.287.822</b>
Công ty Cổ phần Cát Lợi	1.473.507.346.062	1.230.409.628.795
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	237.280.177.155	233.339.682.393
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	122.434.614.261	114.275.372.503
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	94.653.664.276	84.465.684.386
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	30.338.097.789	50.736.202.127
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	17.181.632.863	20.312.375.150
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	25.353.916.499	17.995.960.113
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	13.947.814.249	10.951.391.321
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	9.003.292.076	9.654.736.383
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	5.145.807.768	5.946.083.389
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	316.912.500	313.999.455
Công ty Cổ phần Hoà Việt	217.500.000	217.500.000
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	35.370.968	139.000.000
Công ty TNHH MTV Viện thuốc lá	58.241.936	86.408.000
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	35.710.000	86.408.000
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh bao bì Carton	13.703.703	424.355.807
Gấp nếp Vina Toyo		
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	1.935.484	13.500.000
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>	<b>1.518.954.249.091</b>	<b>1.511.829.877.927</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	274.371.445.360	254.894.100.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	255.274.000.113	140.716.779.152
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	210.793.721.236	193.248.490.146
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	174.475.329.565	187.674.423.360
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	146.799.695.240	243.021.710.810
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	125.495.153.000	134.562.123.600
Công ty liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	123.572.144.322	144.895.708.100
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	84.585.000.000	81.393.648.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	69.811.182.750	65.428.321.712
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	38.916.242.400	48.944.763.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	13.002.593.882	13.652.879.446
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	1.622.857.576	1.796.585.802
Công ty Cổ phần Cát Lợi	201.600.000	1.467.909.800
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	33.283.647	41.255.999
Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	-	91.179.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>	<b>1.130.423.067.221</b>	<b>998.851.449.823</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	412.573.916.052	242.589.747.707
Công ty liên doanh Thuốc lá BAT- VINATABA	358.144.725.059	359.933.021.824
Công ty TNHH Liên doanh VINA - BAT	181.759.855.680	250.015.352.157
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	82.000.000.000	65.329.711.807
Công ty Cổ phần Cát Lợi	53.464.320.000	53.464.320.000
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	14.912.436.071	13.693.907.025
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	10.970.590.141	-
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	6.786.768.450	4.201.332.850
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	4.999.943.730	4.737.353.309
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	1.527.106.645	1.428.024.463
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket	1.248.000.000	2.496.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA	974.463.750	-
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh bao bì Carton	600.000.000	600.000.000
Gấp nếp Vina Toyo	-	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	460.941.643	362.678.681
<b>Chênh lệch vốn chủ sở hữu vượt quá vốn điều lệ tại các đơn vị thành viên</b>	<b>-</b>	<b>200.147.122.760</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	141.938.580.071
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	58.005.393.227
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	-	161.285.864
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	-	41.863.598
<b>Phi li xăng</b>	<b>11.167.884.000</b>	<b>13.509.086.000</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	10.838.824.000	13.220.296.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	329.060.000	288.790.000

**34. THUYẾT MINH THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ - Tổng công ty là đầu tư vốn tại các đơn vị là công ty con, công ty liên doanh và liên kết, khác; thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm thuốc lá. Doanh thu của mỗi hoạt động xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm thuốc lá được trình bày tại mỗi báo cáo của đơn vị hạch toán phụ thuộc là các Chi nhánh của Tổng công ty. Về mặt địa lý, Tổng công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam ngoại trừ Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá (Đơn vị hạch toán phụ thuộc) phát sinh nghiệp vụ xuất khẩu các sản phẩm thuốc lá đã được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của đơn vị này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng công ty.

**35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 31/12/2025 cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng

**36. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Văn bản số 1871/TB-TTCP ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Thanh tra Chính phủ về việc Thông báo Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản, thoái vốn và tái cơ cấu tại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam thời kỳ 2013 - 2017, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu hồi cơ sở nhà đất 30.927,7 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 152 Trần Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và xử lý các phát sinh trong quá trình thu hồi cơ sở nhà đất này. Ngày 25/10/2023 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 4856/QĐ - UBND về việc thu hồi đất tại số 152 đường Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2025, Trung tâm phát triển quy đất thành phố Hồ Chí Minh đã nhận bàn giao và quản lý khu đất nêu trên từ Ban cưỡng chế thu hồi đất Quận 5.

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**Người lập**

**Đỗ Thu Hà**

**Kế toán trưởng**

**Đỗ Văn Đạt**

**Tổng Giám đốc**

**Hà Quang Hòa**